**TÊN BÀI DẠY:**

**BÀI 8:** **NHỮNG GÓC NHÌN CUỘC SỐNG**

**Môn học: NGỮ VĂN**

**Thời gian thực hiện: 12 tiết + 3 tiết kiểm tra giữa kì, 1 tiết trả bài**

**MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**I. Năng lực**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận

- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối quan hệ giữa các ý kiến,lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề được đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ tình cảm của bản thân.

- Nhận biết được từ mượn, trình bày cách sử dụng từ mượn.

- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.

- Bước đầu viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng, vấn đề trong đời sống

**II. Phẩm chất**

Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

**Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NÃNG LỰC ÐẶC THÙ : ÐỌC – VIẾT- NÓI - NGHE** | | |
| **1** | Nhận biết được vấn đề mà tác giả nêu lên trong văn bản nghị luận . | **Ð1** |
| **2** | Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề. | **Ð2** |
| **3** | Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,..) trong văn bản nghị luận. | **Ð3** |
| **4** | Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đã đặt ra đối với mọi người; nhận biết được tình cảm và thái độ của người viết được thể hiện trong vãn bản. | **Ð4** |
| **5** | Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt. | **Ð5** |
| **6** | Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống | **V1** |
| **7** | Biết trình bày, phát biểu cảm nhận, suy nghĩ của mình về đặc sắc nội dung và các hình thức nghệ thuật của các văn bản nghị luận . | **N1** |
| **8** | Biết trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng trong đời sống | **N2** |
| **9** | Nghe bạn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống | **N3** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ÐỀ** | | |
| **11** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **12** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực HS cấp THCS). | **GQVÐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: YÊU NƯỚC, CHĂM HỌC** | | |
| **13** | - Trân trọng góc nhìn của mỗi người và tìm ra điểm gần gũi để thấu hiểu, chia sẻ, hợp tác với mọi người xung quanh.  - Ham tìm hiểu văn học, tìm hiểu đời sống để nâng cao hiểu biết. | **YN,**  **CH** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Ð:** Ðọc (1,2,3,4,5: Mức ðộ).

**- V:** Viết (1: mức ðộ)

**- N:** Nghe – nói (1,2,3: mức ðộ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVÐ:** Giải quyết vấn ðề.

**- TN:** Trách nhiệm.

**- NA:** Nhân ái

**A. ĐỌC**

**A1. ĐỌC VĂN BẢN 1**

**Tiết 97, 98: Văn bản 1: HỌC THẦY, HỌC BẠN**

(Nguyễn Thanh Tú)

**I. MỤC TIÊU**

*1. Năng lực*

*1.1. Năng lực đặc thù*

- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; trình bày được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ.

- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm ý chính của văn bản; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.

1.2. Năng lực chung

- Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra.

*2. Phẩm chất*

- Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

**III.Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC 8**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề của bài học 8 là  ***Những góc nhìn cuộc sống*** gắn với thể loại văn nghị luận

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv gọi 2 học sinh lên bảng, hai hs này đứng đối diện nhau. Gv ghi sẵn số theo hình minh họa và hỏi hai học sinh: Số trong hình là số mấy?*  ĐÚNG SAI dựa vào đâu?… | 8 Sài Gòn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài  Các con ạ, từ trải nghiệm mà chúng ta mới trải qua, các con thấy rằng cuộc sống muôn màu muôn vẻ, chỉ cần đứng ở góc nhìn khác nhau thì mọi thứ sẽ thay đổi, thậm chí là đối nghịch nhau. Để hiểu hơn về điều này, cô và các con sẽ cùng nhau tìm hiểu chủ đề thứ 8 của chương trình. | - Hs chia sẻ quan điểm, suy nghĩ  + Số trong hình có thể là số 6 hoặc số 9, tùy theo góc nhìn của mỗi người |

**HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC BÀI HỌC 8**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:*  *+ Chủ đề của bài học là gì*  *+ Thể loại chính của chủ đề? Kể tên các văn bản trong chủ đề*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. Tìm hiểu giới thiệu bài học**  - Học sinh dựa vào phần mở đầu, tên bài học để trả lời về chủ đề: “Những góc nhìn cuộc sống”  - Thể loại chính: văn nghị luận  - Các văn bản:  + Học thầy, học bạn  + Bàn về nhân vật Thánh Gióng  + Góc nhìn  + Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:**

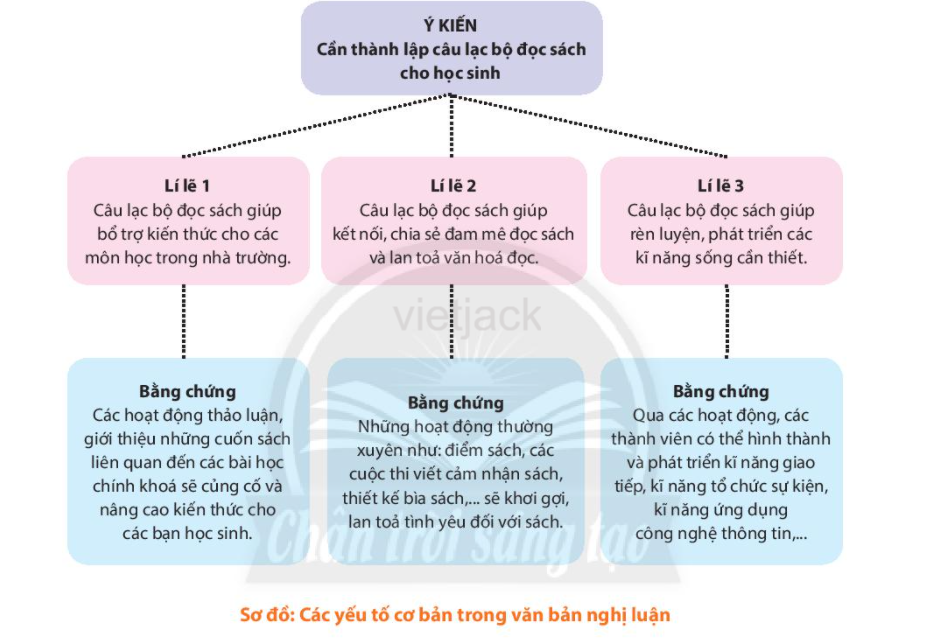
- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận: các ý kiến, lĩ lẽ, bằng chứng trong VB, chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ bằng chứng.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng các PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát PHT số 1 để học sinh phân tích ví dụ, từ đó rút ra khái niệm về văn nghị luận*  *+ Chỉ ra các yếu tố của văn nghị luận*  *+ Gv chiếu sơ đồ các yếu tố cơ bản của văn nghị luận*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **II. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu**  **1. Khái niệm**  - Văn nghị luận là loại văn bản có mục đích chính nhằm thuyết phục người đọc (người nghe về một vấn đề. Trong cuộc sống, ta thường gặp văn nghị luận dưới dạng ý kiến trong cuộc họp, bài bình luận, xã luận…  - Trong bài văn nghị luận, người viết trình bày ý kiến về một vấn đề mà mình quan tâm, sử dụng lí lẽ, bằng chứng để củng cố cho ý kiến của mình.  **2. Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận**  - Lí lẽ: cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết  - Bằng chứng: những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu và từ thực tế…  - Lí lẽ và dẫn chứng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. |



**HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC VĂN BẢN HỌC THẦY, HỌC BẠN**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV 2 bức hình. Quan sát bức hình và cùng với trải nghiệm thực tế của bản thân, em cho biết việc học hỏi từ thầy cô, bạn bè có ý nghĩa gì đối với chúng ta?
* GV hướng dẫn HS dùng kĩ thuật nhóm đôi (think- pair- share) để tổ chức trao đổi ý kiến

|  |  |
| --- | --- |
| Đọc: Học thầy, học bạn (Nguyễn Thanh Tú) - Hoc24 | C:\Users\Admin\Downloads\images.jpg |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi với bạn**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Đánh giá, kết luận:**

**Dự kiến câu trả lời:**

- Việc học hỏi từ thầy cô, bạn bè giúp chúng ta nâng cao tinh thần ham học hỏi, hơn nữa giúp chúng ta nâng cao sự đoàn kết, gắn bó, gần gũi hơn với bạn bè, thầy cô.

Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:** Học tập là một quá trình, giống như một chiếc thang không có bậc cuối cùng. Vậy ngoài sự cố gắng của bản thân,mỗi chúng ta cần đến vai trò của người thầy, người cô hướng dẫn. Tục ngữ có câu “Không thầy đố mày làm nên” nhưng lại có câu “Học thầy không tầy học bạn” . Vậy vai trò của việc học thầy, học bạn thế nào? Cùng tìm hiểu VB “Học thầy, học bạn” để hiểu rõ vấn đề này.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ.**

**b. Nội dung hoạt động:**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về văn bản “Học thầy, học bạn”

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **(1) GV hướng dẫn cách đọc**: đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh chú ý âm lượng, tốc độ, sự biểu cảm khi đọc...  - GV đọc mẫu 1 đoạn.  - Gọi 3 HS lần lượt đọc - GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của H S.  *(2)HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn:* GV chia lớp thành các nhóm nhỏ; mỗi nhóm gồm 2 bàn (khoảng 6- 8 HS)  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  Kĩ thuật "Khăn trải bàn"  *+ Ai là tác giả của VB “Học thầy, học bạn”? VB được trích từ đâu?*  *+ Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn bản.*  *+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu ý chính của từng phần.*  *+ Văn bản viết về vấn đề gì?*  HS nhận nhiệm vụ thảo luận nhóm, theo kĩ thuật khăn trải bàn  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’.  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  **+**Tổ chức cho HS thảo luận. *Mỗi nhóm thống nhất ghi đáp án chung vào ô giữa phiếu.*  + GV quan sát, khích lệ HS.  Câu hỏi tháo gỡ kk: Người viết đưa ra mấy ý kiến? Đó là nhữn ý kiến nào? Quan điểm của tác giả như thế nào về việc học thầy, học bạn?  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  Ngoài phương thức nghị luận là chính, HS có thể thấy VB còn có PTBĐ khác kết hợp như tự sư, biểu cảm. | **II. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó  ( SGK-T53- 55)  **2. Tìm hiểu chung**  **a.** Xuất xứ:  - Tác giả: Nguyễn Thanh Tú  - Trích: *Văn biểu cảm - Nghị luận*, 2001.  **b. Phương thức biểu đạt:** nghị luận.  **c. Bố cục:** 3 phần  ***- Phần 1*** (Từ đầu … đến *"Liệu hai cách học đó có mâu thuẫn với nhau"):* Nêu vấn đề nghị luận  ***- Phần 2*** (Tiếp … đến *“tích lũy kinh nghiệm từ các bạn”*): Bàn luận vấn đề  + “Trong cuộc đời mỗi con người” đến “*“sự dẫn dắt của thầy Verrocchio*”: Học từ thầy là quan trọng  + Tiếp theo đến *“tích lũy kinh nghiệm từ các bạn”:* Học từ bạn cũng rất cần thiết  ***- Phần 3*** (Đoạn còn lại): Kết thúc vấn đề Khẳng định mối quan hệ giữa học thầy, học bạn.  **d. Vấn đề nghị luận:** Bàn về việc học thầy, học bạn đều rất quan trọng đối với mỗi người.. |

**Hoạt động: Suy ngẫm và phản hồi**

***Mục 1. Nêu vấn đề nghị luận***

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- HS nhận biết được vấn đề nghị luận và cách nêu vấn đề rất độc đáo qua câu tục ngữ

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu về cách nêu vấn đề   HS thực hiện hoạt động theo hình thức cá nhân:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS theo dõi phần 1 của văn bản *t*ừ đầu … đến *"Liệu hai cách học đó có mâu thuẫn với nhau"):* Nêu vấn đề nghị luận  Để nêu vấn đề nghị luận, tác giả đã dẫn dắt như thế nào?  Tác giả đã nêu vấn đề bằng cách nào? Hiệu quả nghệ thuật được tạo ra nhờ cách nêu vấn đề đó là gì?  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS suy nghĩ, trả lời cá nhân  + GV quan sát, khích lệ HS.  Gợi mở: *dùng lời kể để giới thiệu vấn đề sẽ có tác dụng như thế nào cho Vb nghị luận?*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **1. Nêu vấn đề nghị luận**  - Trích dẫn tục ngữ:  + Không thầy đố mày làm nên.  + Học thầy không tày học bạn.  - Đặt vấn đề: Liệu hai cách học mâu thuẫn với nhau?  => tăng tính hấp dẫn, tạo không khí tranh luận, cuốn hút mọi người vào vấn đề cần bàn: Tầm quan trọng của việc học thầy, học bạn |

**Mục 2. Bàn luận vấn đề**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

HS nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận *Học thầy, học bạn*; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến , lí lẽ, bằng chứng.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm kĩ thuật mảnh ghép

HS đọc văn bản và trả lời các câu hỏi trong khi đọc và câu hỏi 1,2,3,4 trong phần *Suy ngẫm và phản hồi*

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(2) \*Hướng dẫn HS tìm hiểu lí lẽ và bằng chứng trong VB**  **Thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:  **Nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu HT số 1.  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  **PHIẾU HỌC TẬP 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | |  |  |  |   **Nhóm 1,2**  *- Xác định những câu văn thể hiện ý kiến của người viết về việc* ***học thầy****.*  *- Để thuyết phục người đọc về tầm quan trọng của việc* ***học thầy****, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào?*  **Nhóm 3,4:**  *- Xác định những câu văn thể hiện ý kiến của người viết về việc* ***học bạn****.*  *- Để thuyết phục người đọc về tầm quan trọng của việc* ***học bạn****, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào?*  **VÒNG 2:** Nhóm mảnh ghép: Tạo nhóm mới và thực hiện nhiệm vụ mới:  - Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên gia.  - Trả lời các câu hỏi sau:  *+ Việc kể lại câu chuyện người thầy của danh họa Leonardo da Vinci với bài học vẽ quả trứng nhằm mục đích gì?*  *+ Các từ "mặt khác", "hơn nữa" trong văn bản có tác dụng gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập(17p)**  ***\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:  ***( 7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (10 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-5p**  - GV gọi đại diện 02 nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-5p**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. | **2. Bàn luận vấn đề**  **a. Ý kiến 1: Học từ thầy là quan trọng nhất.**  - Lí lẽ:  + Truyền thống tôn sư trọng đạo, đề cao vai trò người thầy.  + Nếu không có thầy thì khó làm nên điều gì xứng đáng.  - Bằng chứng : Người thầy của danh họa Leonardo da Vinci với bài học vẽ quả trứng.  =>Từ đó tác giả nhằm thuyết phục độc giả dù có tài năng thiên bẩm nhưng không thể chối bỏ tầm quan trọng của người thầy trong sự thành công của sự nghiệp.  https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/khong-thay-do-may-lam-nen-01.jpg  **b. Ý kiến 2: Học hỏi từ bạn bè cũng rất cần thiết.**  - Lí lẽ :  + Muốn thành đạt, con người còn phải học tập mọi nơi, mọi lúc, từ bất cứ ai.  + Học từ bạn thuận lợi vì cùng trang lứa, hứng thú, tâm lí thì sẽ thoải mái, dễ dàng.  - Bằng chứng : Thảo luận nhóm.  **C:\Users\Admin\Downloads\hoc hom.jpg**  NT: Các từ "mặt khác", "hơn nữa" trong văn bản có tác dụng bổ sung thêm ý, thêm luận điểm, luận cứ cho ý trước, đoạn văn trước và làm tăng sức gợi cho đoạn văn.   * **Tác giả làm nổi bật của tầm quan trọng của việc học thầy, học bạn** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  + Hình ảnh so sánh trong câu cuối của văn bản giúp em hiểu gì về mối quan hệ giữa học thầy và học bạn?  + Mối quan hệ giữa việc học thầy và học bạn như thế nào?  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát HS hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   Hai vấn đề được đặt ra ở hai câu tục ngữ có mâu thuẫn không?  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **3. Kết thúc vấn đề**  - Hình ảnh so sánh:  + Vai trò của người thầy *“như ngọn hải đăng soi đường chỉ lối*”  + Vai trò của bạn: *“Bạn là người bạn đồng hành quan trọng”*  =>khẳng định vai trò định hướng của người thầy, vai trò cộng tác, đồng hành của bạn trong quá trình lĩnh hội tri thức của mỗi người.  => Chúng ta không chỉ học từ thầy mà còn học từ bạn nữa. Học thầy, học bạn có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, không thể thiếu một trong hai trên con đường của một người thành công. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1**: **Trắc nghiệm củng cố:**

**Hình thức trò chơi “Nhanh như chớp”**

GV tổ chức cho HS củng cố kiến thức bài học thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

* GV yêu cầu HS gấp toàn bộ vở viết và SGK lại.
* GV đọc lần lượt từng câu hỏi; HS trả lời đúng câu hỏi trước đó sẽ được quyền mời bất kì HS nào trả lời câu hỏi tiếp theo. (Nên mời đa dạng các thành viên ở các tổ nhóm khác nhau trong lớp)
* Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.

**Bước 2:**  **Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả học tập**

**Bước 4.** **Công bố kết quả:**

- Nếu chọn sai đáp án thì sẽ có hình phạt nho nhỏ.

- Trả lời đúng sẽ được mời bạn bất kì trả lời câu hỏi tiếp theo.

**Các câu hỏi như sau:**

**[Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của](https://hoc24.vn/quiz/xac-dinh-phuong-thuc-bieu-dat-chinh-cua-hoc-thay-hoc-bantu-sumieu-tabieu-camnghi-luan.971944)*[Học thầy, học bạn](https://hoc24.vn/quiz/xac-dinh-phuong-thuc-bieu-dat-chinh-cua-hoc-thay-hoc-bantu-sumieu-tabieu-camnghi-luan.971944)*[.](https://hoc24.vn/quiz/xac-dinh-phuong-thuc-bieu-dat-chinh-cua-hoc-thay-hoc-bantu-sumieu-tabieu-camnghi-luan.971944)**

1. [Tự sự.](https://hoc24.vn/quiz/xac-dinh-phuong-thuc-bieu-dat-chinh-cua-hoc-thay-hoc-bantu-sumieu-tabieu-camnghi-luan.971944)
2. [Miêu tả.](https://hoc24.vn/quiz/xac-dinh-phuong-thuc-bieu-dat-chinh-cua-hoc-thay-hoc-bantu-sumieu-tabieu-camnghi-luan.971944)
3. [Biểu cảm.](https://hoc24.vn/quiz/xac-dinh-phuong-thuc-bieu-dat-chinh-cua-hoc-thay-hoc-bantu-sumieu-tabieu-camnghi-luan.971944)
4. [Nghị luận.](https://hoc24.vn/quiz/xac-dinh-phuong-thuc-bieu-dat-chinh-cua-hoc-thay-hoc-bantu-sumieu-tabieu-camnghi-luan.971944)

**[Câu 2: Tác giả đồng ý với câu tục ngữ nào?](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-dong-y-voi-cau-tuc-ngu-naohoc-thay-khong-tay-hoc-bankhong-thay-do-may-lam-nendong-y-voi-ca-hai-cau-tuc-ngu-vi-chung-bo-sung-cho-nhaude-xuat-y-kien-khac-hoc-la-no-luc-tu-than.972011)**

1. [Học thầy không tày học bạn.](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-dong-y-voi-cau-tuc-ngu-naohoc-thay-khong-tay-hoc-bankhong-thay-do-may-lam-nendong-y-voi-ca-hai-cau-tuc-ngu-vi-chung-bo-sung-cho-nhaude-xuat-y-kien-khac-hoc-la-no-luc-tu-than.972011)
2. [Không thầy đố mày làm nên.](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-dong-y-voi-cau-tuc-ngu-naohoc-thay-khong-tay-hoc-bankhong-thay-do-may-lam-nendong-y-voi-ca-hai-cau-tuc-ngu-vi-chung-bo-sung-cho-nhaude-xuat-y-kien-khac-hoc-la-no-luc-tu-than.972011)
3. [Đồng ý với cả hai câu tục ngữ vì chúng bổ sung cho nhau.](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-dong-y-voi-cau-tuc-ngu-naohoc-thay-khong-tay-hoc-bankhong-thay-do-may-lam-nendong-y-voi-ca-hai-cau-tuc-ngu-vi-chung-bo-sung-cho-nhaude-xuat-y-kien-khac-hoc-la-no-luc-tu-than.972011)
4. [Đề xuất ý kiến khác: Học là nỗ lực tự thân.](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-dong-y-voi-cau-tuc-ngu-naohoc-thay-khong-tay-hoc-bankhong-thay-do-may-lam-nendong-y-voi-ca-hai-cau-tuc-ngu-vi-chung-bo-sung-cho-nhaude-xuat-y-kien-khac-hoc-la-no-luc-tu-than.972011)

**[Câu 3: Tác giả lấy dẫn chứng nào cho lí lẽ "Học thầy vô cùng quan trọng"?](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-lay-dan-chung-nao-cho-li-le-hoc-thay-vo-cung-quan-trongnguoi-thay-ve-roc-chi-o-cua-danh-hoa-da-vin-chinguoi-thay-cua-nhan-vat-toihoc-nhom-la-phuong-thuc-khong-hieu-quanhung-nguoi-thay.972067)**

1. [Người thầy Verrocchio của danh họa Leonardo da Vinci](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-lay-dan-chung-nao-cho-li-le-hoc-thay-vo-cung-quan-trongnguoi-thay-ve-roc-chi-o-cua-danh-hoa-da-vin-chinguoi-thay-cua-nhan-vat-toihoc-nhom-la-phuong-thuc-khong-hieu-quanhung-nguoi-thay.972067)
2. [Người thầy của nhân vật "tôi".](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-lay-dan-chung-nao-cho-li-le-hoc-thay-vo-cung-quan-trongnguoi-thay-ve-roc-chi-o-cua-danh-hoa-da-vin-chinguoi-thay-cua-nhan-vat-toihoc-nhom-la-phuong-thuc-khong-hieu-quanhung-nguoi-thay.972067)
3. [Học nhóm là phương thức không hiệu quả.](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-lay-dan-chung-nao-cho-li-le-hoc-thay-vo-cung-quan-trongnguoi-thay-ve-roc-chi-o-cua-danh-hoa-da-vin-chinguoi-thay-cua-nhan-vat-toihoc-nhom-la-phuong-thuc-khong-hieu-quanhung-nguoi-thay.972067)
4. [Những người thầy chính là bạn bè.](https://hoc24.vn/quiz/tac-gia-lay-dan-chung-nao-cho-li-le-hoc-thay-vo-cung-quan-trongnguoi-thay-ve-roc-chi-o-cua-danh-hoa-da-vin-chinguoi-thay-cua-nhan-vat-toihoc-nhom-la-phuong-thuc-khong-hieu-quanhung-nguoi-thay.972067)

**Câu 4: Các từ "mặt khác", "hơn nữa" trong văn bản có tác dụng gì?**

1. bổ sung thêm ý, thêm luận điểm, luận cứ cho ý trước, đoạn văn trước
2. làm tăng sức gợi cho đoạn văn.
3. Nhấn mạnh ý kiến
4. Cả A và B

**Câu 5: Đọc đoạn văn sau, xác định câu chủ đề:**

*Trong cuộc đời của mỗi con người, học từ thầy là quan trọng nhất (1). Nhân dân ta có truyền thống tôn sư trọng đạo, luôn luôn đề cao vai trò của người thầy(2). Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề khắc chạm, hoặc nghiên cứu khoa học(3).*

1. Câu 1
2. Câu 2
3. Câu 3
4. Không có câu chủ đề

**Câu 6: VB “Học thầy, học bạn” có mấy đoạn văn**

1. Ba
2. Bốn
3. Năm
4. Sáu

**\*Nhiệm vụ 2: Vẽ sơ đồ tư duy trình bày ngắn gọn nội dung của văn bản**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Tóm tắt văn bản nghị luận là trình bày ngắn gọn nội dung của văn bản bằng ngôn ngữ của mình dựa trên việc nhận ra ý kiến của người viết, các lí lẽ, bằng chứng làm rõ cho ý kiến. Hãy hoàn thành sơ đồ sau và viết đọan văn tóm tắt văn bản *Học thầy, học bạn***.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, hoàn thành nhiệm vụ học tập ra vở.
* GV quan sát, động viên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi một số HS trình bày sản phẩm học tập.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Đoạn văn gợi ý:

- Lí lẽ 1: Học từ thầy là quan trọng nhất.

+ Truyền thống tôn sư trọng đạo, đề cao vai trò người thầy.

+ Nếu không có thầy thì khó làm nên điều gì xứng đáng.

- Dẫn chứng 1: Người thầy của danh họa Lê-ô-na-rơ-đô Đa Vin-chi với bài học vẽ quả trứng.

- Lí lẽ 2: Học hỏi từ bạn bè cũng rất cần thiết.

+ Muốn thành đạt, con người còn phải học tập mọi nơi, mọi lúc, từ bất cứ ai.

+ Học từ bạn thuận lợi vì cùng trang lứa, hứng thú, tâm lí thì sẽ thoải mái, dễ dàng.

- Dẫn chứng 2: Thảo luận nhóm.

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Làm việc cá nhân:**

Làm thế nào để việc học thầy, học bạn được hiệu quả?

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, trả lời.
* GV quan sát, gợi dẫn nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi đại diện chia sẻ.
* HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV có thể gợi ý một số việc cần làm để học bạn, học thầy hiều quả:**

Để học thầy, học bạn một cách hiệu quả chúng ta phải biết:

+ lắng nghe ý kiến từ thầy, từ bạn bằng thái độ trân trọng.

+ Học đi đôi với hành, vừa học lí thuyết vừa áp dụng lí thuyết vào thực tế

+ Vừa tuân theo định hướng của thầy, vừa hợp tác học tập cùng bạn bè.

+ Tránh lối học ỉ nại, dựa dẫm, thiếu tự giác

+ phải ham học hỏi, không ngại khó ngại khổ, không dấu dốt mà không dám hỏi và quan trọng là tinh thần tự giác cao.

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học

- Tìm đọc thêm những nói về vai trò của gia đình, của quê hương trong việc nuôi dưỡng mỗi con người trưởng thành. Từ đó, tự rút ra góc nhìn của mình về vấn đề được bàn luận.

- Chuẩn bị các câu hỏi phần chuẩn bị đọc hiểu văn bản: Bàn về nhân vật Thánh Gióng

**A2. ĐỌC VĂN BẢN 2:**

**Tiết 99, 100: BÀN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm văn nghị luận

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận: các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB, chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một Vb nghị luận có nhiều đoạn.

**3. Phẩm chất:**

- Tự hào về truyền thống đấu tranh anh hùng của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *Câu 1: Hình sau gợi nhắc em đến nhân vật nào đã được học. Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về nhân vật ấy?*  Truyện cổ tích Thánh Gióng Đức Thánh Gióng - Truyền thuyết Việt Nam  *Câu 2: Đọc nhan đề VB Bàn về nhân vật Thánh Gióng, em thử dự đoán Vb viết về điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV lắng nghe, gắn câu trả lời hay vào việc giới thiệu dân dắt tiết học: Mỗi chúng ta, ai cũng có góc nhìn riêng, cảm nhận riêng về vẻ đẹp của nhân vật Thánh Gióng. Những cảm nhận ấy xuất phát từ hiểu biết về truyền thuyết Thánh Gióng và tình cảm thái độ của mỗi người về hình tượng Gióng. Còn đối với nhà phê bình văn học Hoàng Tiến Tựu, ông đã có những góc nhìn như thế nào về nhân vật Thánh Gióng- người anh hùng chống giặc ngoại xâm, biểu tượng của lòng yêu nước của dân tộc. Chúng ta sẽ tìm hiểu VB Bàn về nhân vật Thánh Gióng để cảm nhận ý kiến của tác giả. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Mục I. Trải nghiệm cùng văn bản:**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được phương thức biểu đạt chính, bố cục, vấn đề chính của VB

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm, kĩ thuật think- pair- share

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| NHIỆM VỤ | NỘI DUNG |
| 1. Giới thiệu đôi nét về tác giả? |  |
| 2. Nêu xuất xứ của văn bản? |  |
| 3. Văn bản 2 thuộc thể loại văn bản nào? |  |
| 4. Xác định phương thức biểu đạt chính? |  |
| 5. Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn đọc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*GV hướng dẫn cách đọc**: Đọc giọng phù hợp với văn nghị luận, nhấn mạnh hơn vào các lí lẽ và dẫn chứng quan trọng. Giọng đọc thể hiện niềm tự hào về vẻ đẹp của nhân vật Thánh Gióng.  Tìm hiểu chú thích SGK: *Vẻ đẹp lí tưởng? Tiềm ẩn?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc.  GV chú ý điều chỉnh giọng đọc phù hợp với thể loại VB  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức (nghĩa của từ trong SGK)  **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả, và văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS: HS thực hiện phiếu học tập số 1  Kĩ thuật think- pair- share  + *nêu những hiểu biết của em về tác giả Hoàng Tiến Tựu.*  *+ Xuất xứ của văn bản?*  *+Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn bản (tìm vấn đề nghị luận? dạng bài nghị luận về vấn đề xã hội hay văn học)*  *+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, thảo luận với bạn bên cạnh (đặp đôi) để thực hiện phiếu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HStrình bày kết quả sau thảo luận. Nhóm khác nghe, bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** Hoàng Tiến Tựu (1933 - 1998)  - Quê quán: Thanh Hóa.  - Vị trí: Là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian.  https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/cac_thay_giao_cua_toi.jpg  b. Xuất xứ: Trích Bình giảng truyện dân gian  (NXB Giáo dục 2003).  **c.** Phương thức biểu đạt: Nghị luận (văn bản nghị luận văn học)  Vấn đề nghị luận: Bàn về vẻ đẹp của nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết  **d.** Bố cục: 3 phần  **- Phần 1**: Đoạn văn 1: Nêu khái quát vấn đề nghị luận Vẻ đẹp của nhân vật Thánh Gióng.  **- Phần 2**: Từ *“Trước hết,..” đến “và làm nên Thánh Gióng*” Bàn luận về vẻ đẹp của nhân vật Thánh Gióng  **- Phần 3**: Đoạn văn cuối: Kết thúc vấn đề. |

**Mục II. Suy ngẫm và phản hồi**

***1. Nêu vấn đề nghị luận***

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- HS nhận biết được vấn đề nghị luận và cách nêu vấn đề

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận: các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB, chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một Vb nghị luận có nhiều đoạn.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước Nêu vấn đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  + *Tác giả đã nêu ra những ý kiến nào về nhân vật Thánh Gióng?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  ***1. Nêu vấn đề:***  -  Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi. |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước Giải quyết vấn đề**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và hoàn thành phiếu học tập sau số 1 | ***2. Giải quyết vấn đề*** |
| **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Ý kiến về nv TG*** | ***Lí lẽ*** | ***Bằng chứng*** | | *Ý kiến 1:…….* |  |  | | *Ý kiến 2:…….* |  |  |   **Dự kiến sản phẩm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến về nhân vật**  **Thánh Gióng** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | **Ý kiến 1: Thánh Gióng là một người anh hùng phi thường.** | Gióng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường. | - Sự thụ thai thần kì.  - Sức mạnh, ý chí phi thường. | | **Ý kiến 2: Thánh Gióng là một con người trần thế bình thường.** | Nguồn gốc, lai lịch của Gióng rõ ràng, cụ thể, xác định. | Người làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ sáu. | | Quá trình ra đời, trưởng thành, đánh giặc gần với những người dân bình dị. | Dù có siêu nhiên đến đâu, Gióng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ”, “uống nước, ăn cơm với cà”, mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đổng, ngựa sắt, áo giáp sắt do vua Hùng tập hợp thợ rèn tài giỏi trong nước đúc nên. | | Thánh Gióng thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước. | Hình ảnh cậu bé Gióng nằm im không nói, không cười nhưng khi giặc Ân xâm lăng thì vụt lớn đánh giặc thể hiện sức mạnh tiềm ẩn của nhân dân. | | |
| *-Gv chuyển giao nhiệm vụ*  *+ Em có nhận xét gì về những lí lẽ và dẫn chứng mà tác giả đưa ra?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | => Nhận xét: hệ thống các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp logic, rõ ràng, thể hiện được những nhận định của tác giả về nhân vật Thánh Gióng trong hai vẻ đẹp: phi thường nhưng cũng rất đời thường. |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước Kết thúc vấn đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Phần kết thúc vấn đề, tác giả đã nêu ra nhận định như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  GV bổ sung: Thông qua vă bản, tác giả đã nêu lên các ý kiến, sử dụng lí lẽ, bằng chứng để củng cố cho ý kiến của tác giả khi bàn về nhân vật Thánh Gióng: người anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng nhưng cũng là con người trần thế với vẻ đẹp giản dị, gần gũi. Bằng những lí lẽ xác đáng, những dẫn chứng cụ thể, sinh động, tác giả đã thuyết phục người đọc, người nghe. | ***3. Kết thúc vấn đề***  - Tác giả đưa ra nhận định của mình về hình tượng nhân vật: “Quá trình phát triển của nhân vật Thánh Gióng dồi dào ý nghĩa nhân sinh và nên thơ, nên họa biết bao!” |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Có ý kiến cho rằng: “Những góc nhìn, cách hiểu khác nhau của tác giả về nhân vật Thánh Gióng giúp chúng ta hiểu nhân vật sâu hơn”. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***4. Bài học***  - Ở mỗi góc nhìn khác nhau người đọc có thể cảm nhận, xem xét nhân vật dưới một góc độ khác nhau, nhờ đó chúng ta có thể hiểu văn bản sâu sắc, toàn diện hơn. |

**Hoạt động 3: V. Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**:

**c. Sản phẩm:** Khả năng trình bày ý kiến của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trong đoạn văn sau, câu nào thê hiện lí lẽ, câu nào thể hiện bằng chứng?

*“Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị. Dù có siêu nhiên kì ảo đến đâu, Giỏng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ” (dù là mấy tháng), vẫn phải “uống nước, ăn cơm với cà” (dù là mấy nong), vẫn phải mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đông (dù là cỡ rộng đến đâu). Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt, của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên."*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện yêu cầu  
 **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Dùng kĩ thuật tia chớp để HS chai sẻ nhanh ý kiến.

**Bước 4: GV đánh giá**

Câu thể hiện lí lẽ là: Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị.

Câu thể hiện bằng chứng là: Dù có siêu nhiên kì ảo đến đâu, Giỏng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ” (dù là mấy tháng), vẫn phải “uống nước, ăn cơm với cà” (dù là mấy nong), vẫn phải mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đồng (dù là cỡ rộng đến đâu). Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt, của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.

**Hoạt động 4: Vận dụng: Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật động não.  Hãy tóm tắt nội dung văn bản bằng một đoạn văn (khoảng 150 chữ).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh câu 1,2  Câu 3 suy nghĩ độc lập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS bày tỏ quan điểm câu 1,2  **-** HS nêu ý tưởng về đoạn văn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | Câu 2: *Hãy tóm tắt nội dung văn bản bằng một đoạn văn (khoảng 150 chữ).*  \* Nội dung đoạn văn:  - Xác định vấn đề nghị luận của VB: nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi  - Ý kiến 1: *Thánh Gióng là một nhân vật phi thường.*  - Lí lẽ 1: Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lý tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.  + Bằng chứng: chi tiết về sự thụ thai thần kì của mẹ Gióng  - Lí lẽ 2: Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí  + Bằng chứng: Nhổ từng bụi tre đằng ngà để truy kích, đánh giặc.  - Ý kiến 2: *Thánh Gióng cũng mang những nét bình thường của con người trần thế.*  - Lí lẽ 1: Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định.  + Bằng chứng:người làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ sáu  - Lí lẽ 2: Quá trình ra đời, trưởng thành đều gắn với người dân bình dị  + Bằng chứng: được mẹ mang thai, được nuôi lớn bằng cơm gạo, vũ khí đánh giặc  - Lí lẽ 3: Thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước.  + Bằng chứng: Bình thường tiềm ẩm thì Gióng không nói không cười. Lúc có giặc thì tập hợp, thức tỉnh các lực lượng làm nên Gióng  \* Hình thức đoạn văn. |

**Tiết 101**

Đọc kết nối chủ điểm

**VĂN BẢN : GÓC NHÌN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác…

**b. Năng lực riêng biệt**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu được nội dung câu chuyện.

- Liên hệ, kết nối với văn bản Những cánh buồm, Mây và sóng để hiểu hơn về chủ điểm *Những góc nhìn cuộc sống.*

**2. Phẩm chất:**

- HS có ý thức nhìn nhận cuộc sống đa chiều hơn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

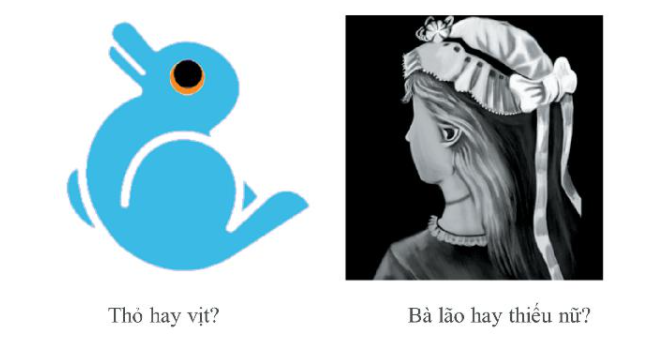
**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS quan sát bức tranh sau và đưa ra phương án mà em quan sát thấy qua bức tranh:



*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Những góc nhìn khác nhau trong cuộc sống sẽ cho chúng ta những cách nhìn nhận khác nhau,*

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV –HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  (1) **GV hướng dẫn cách đọc**:  Đọc rõ ràng, rành mạch, cần phân biệt lời người kể chuyện với lời nhân vật..  - GV đọc mẫu một vài đoạn.  - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.  - Tìm hiểu chú thích SGK: *ngân khố.*  (2) **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + Văn bản có xuất xứ như thế nào? Giới thiệu nét chính về văn bản như: thể loại, phương thức biểu đạt chính, ngôi kể?  + Chuyện kể về ai? Về điều gì? Em hãy kể tóm tắt VB?  **+** Nêu bố cục của văn bản.  **CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi  **2. Thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục**  - Thể loại: văn bản truyện.  - Phương thức biểu đạt: Tự sự  **- Bố cục:** 2 phần  - Phần 1: Từ đầu đến *“không ai dám khuyên nhà vua”* : Câu chuyện vi hành của nhà vua  - Phần 2: Còn lại: Lời khuyên của người hầu và quyết định của nhà vua. |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Nhận biết các chi tiết thể hiện hình huống truyện thông qua các chi tiết mở truyện, thời gian, địa điểm, tình huống đặt ra với nhân vật.

**b. Nội dung hoạt động**:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi, trao đổi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **HS hoạt động cá nhân**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  *Câu chuyện kể về ai? Hoàn cảnh diễn ra như thế nào? Nhân vật chính được đặt trong tình huống ra sao?*  *Em có nhận xét gì về tình huống của câu chuyện?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS theo dõi VB phần 1, tìm thông tin  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  Vậy nhà vua đã có quyết định như thế nào để giải quyết tình huống khó chịu ấy? | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Câu chuyện vi hành của vua**  - Kết cấu mở truyện quen thuộc của dân gian "Ngày xưa".  - Địa điểm: Một vương quốc rộng lớn.  - Hoàn cảnh: Vua quyết định vi hành đến những vùng đất xa xôi.  - Vấn đề: Chân ông vua rất đau.  - Lí do:  + Lần đầu tiên vua thực hiện chuyến đi dài.  + Con đường ông đi qua đều gập ghềnh sỏi đá.   * **Tình huống hấp dẫn, gợi ra những góc nhìn khác nhau về cách xử lí tình huống** |

**2. Cách nhìn, cách giải quyết của vua và người hầu**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Nhận biết, hiểu được cách xử lí của nhà vua và lời khuyên của người hầu.

- Rút ra bài học về cách nhìn nhận vấn đề của cuộc sống.

**b. Nội dung hoạt động**:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi, kĩ thuật đặt câu hỏi, thảo luận theo nhóm, kĩ thuật mảnh ghép

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân,

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS thực hiện **kĩ thuật mảnh ghép,** hoàn thành nhiệm vụ học tập Thời gian: 10 phút  ***\* Vòng chuyên sâu (5 phút)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm hoặc 6 nhóm:  - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3… (nếu 3 nhóm) hoặc 1,2,3,4,5,6 (nếu 6 nhóm)...  - Nhà vua đã đưa ra cách xử lí như thế nào để giải quyết những khó khăn của mình?  - Lời khuyên của người hầu trong câu chuyện đã mang đến ích lợi gì?  HS trả lời câu hỏi bằng cách điền vào phiếu học tập số 1:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tình huống | Nhà vua | Người hầu | | Địa vị |  |  | | Tâm trạng |  |  | | Cách xử lí |  |  | | Kết quả |  |  |   ***\* Vòng mảnh ghép (5 phút)***  - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Nhiệm vụ mới:  - Trong câu chuyện trên, nhà vua và người hầu đã có những cách nhìn khác nhau về việc sử dụng miếng da súc vật để giúp vua đỡ đau chân khi đi trên những con đường gập ghềnh. Theo em, nguyên nhân của những cách nhìn khác nhau ấy là gì?  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.(dự kiến vòng 1)  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **2. Cách nhìn, cách giải quyết của vua và người hầu**  \* Cách xử lí:  - Nhà vua: Tất cả các con đường trong vương quốc đều phải bao phủ bằng da súc vật.  → Khó thực hiện và tốn kém.  - Người hầu: Cắt những miếng da bò êm ái phủ quanh đôi chân.  → Tiết kiệm thời gian, công sức, của cải.  → Đôi giày ra đời.  \* Nguyên nhân dẫn đến cách nhìn nhận khác nhau:  + Nhà vua: muốn giải quyết vấn đề bằng việc thay đổi mọi điều kiện, hoàn cảnh => Đó là vấn đề khó  + Người hầu: muốn giải quyết vấn đề bằng việc thay đổi bản thân => cách làm dễ hơn, phù hợp với lợi ích của mình |
| **Dự kiến sản phẩm phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tình huống | Nhà vua | Người hầu | | Địa vị | Tối cao | Thấp hèn | | Tâm trạng | Bực tức, khó chịu | Bình tĩnh | | Cách xử lí | Tất cả các con đường trong vương quốc đều phải bao phủ bằng da súc vật. | Cắt những miếng da bò êm ái phủ quanh đôi chân. | | Kết quả | Khó thực hiện và tốn kém. | Tiết kiệm thời gian, công sức, của cải.  → Đôi giày ra đời. | | |

**3. Kết thúc truyện và bài học rút ra**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Nhận biết, hiểu được cách kết thúc truyện, chủ đề của câu chuyện

- Rút ra những bài học cho bản thân

**b. Nội dung hoạt động**:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi, kĩ thuật "**XYZ".**

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Thảo luận theo nhóm, kĩ thuật "**XYZ".** **Ví dụ kĩ thuật 422 thực hiện. (Kĩ thuật 422 (XYZ)** Mỗi nhóm 6 ng­ười, mỗi ng­ười viết 2 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 2 phút về cách giải quyết câu hỏi và tiếp tục chuyển cho ngư­ời bên cạnh)   * *Câu chuyện kết thúc như thế nào?* * *Qua câu chuyện em rút ra bài học nào cho mình?*   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **3. Kết thúc và bài học rút ra**  **a. Kết thúc**: Nhà vua: ngạc nhiên => đồng ý => Đôi giầy đầu tiên ra đời  **b. Bài học:**  + Chúng ta nên nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, xem xét và đưa ra quyết định phù hợp nhất đối với lợi ích của chúng ta.  + Khi gặp chuyện không như ý, điều bạn nghĩ đến đầu tiên là thay đổi người khác, thay đổi hoàn cảnh hay là thay đổi chính bản thân mình |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1**: **Trắc nghiệm củng cố:**

**Hình thức trò chơi “Tiếp sức đồng đội”**

GV tổ chức cho HS củng cố kiến thức bài học thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

* GV yêu cầu HS gấp toàn bộ vở viết và SGK lại.
* GV đọc lần lượt từng câu hỏi; HS trả lời đúng câu hỏi trước đó sẽ được quyền mời bất kì HS nào trả lời câu hỏi tiếp theo. (Nên mời đa dạng các thành viên ở các tổ nhóm khác nhau trong lớp)
* Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.

**Bước 2:**  **Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả học tập**

**Bước 4.** **Công bố kết quả:**

- Nếu chọn sai đáp án thì sẽ có hình phạt nho nhỏ.

- Trả lời đúng sẽ được mời bạn bất kì trả lời câu hỏi tiếp theo.

**Các câu hỏi như sau:**

**[Câu 1: Văn bản](https://hoc24.vn/quiz/goc-nhin-thuoc-the-loai-gitruyen-ngantruyen-ngu-ngontruyen-dan-giantruyen-ki.972744) *[Góc nhìn](https://hoc24.vn/quiz/goc-nhin-thuoc-the-loai-gitruyen-ngantruyen-ngu-ngontruyen-dan-giantruyen-ki.972744)*[thuộc thể loại gì?](https://hoc24.vn/quiz/goc-nhin-thuoc-the-loai-gitruyen-ngantruyen-ngu-ngontruyen-dan-giantruyen-ki.972744)**

1. [Truyện ngắn.](https://hoc24.vn/quiz/goc-nhin-thuoc-the-loai-gitruyen-ngantruyen-ngu-ngontruyen-dan-giantruyen-ki.972744)
2. [Truyện ngụ ngôn.](https://hoc24.vn/quiz/goc-nhin-thuoc-the-loai-gitruyen-ngantruyen-ngu-ngontruyen-dan-giantruyen-ki.972744)
3. [Truyện dân gian.](https://hoc24.vn/quiz/goc-nhin-thuoc-the-loai-gitruyen-ngantruyen-ngu-ngontruyen-dan-giantruyen-ki.972744)
4. [Truyện kí.](https://hoc24.vn/quiz/goc-nhin-thuoc-the-loai-gitruyen-ngantruyen-ngu-ngontruyen-dan-giantruyen-ki.972744)

**[Câu 2: Tại sao nhà vua lại ra lệnh cho bao phủ tất cả các con đường trong vương quốc bằng da súc vật?](https://hoc24.vn/quiz/tai-sao-nha-vua-lai-ra-lenh-cho-bao-phu-tat-ca-cac-con-duong-trong-vuong-quoc-bang-da-suc-vatvi-khi-vua-di-vi-hanh-da-bi-dau-chan-do-duong-gap-ghenhvi-vua-muon-vuong-quoc-tro-nen-sang-trongvi-vua-q.972796)**

1. [Vì khi vua đi vi hành đã bị đau chân do đường gập ghềnh.](https://hoc24.vn/quiz/tai-sao-nha-vua-lai-ra-lenh-cho-bao-phu-tat-ca-cac-con-duong-trong-vuong-quoc-bang-da-suc-vatvi-khi-vua-di-vi-hanh-da-bi-dau-chan-do-duong-gap-ghenhvi-vua-muon-vuong-quoc-tro-nen-sang-trongvi-vua-q.972796)
2. [Vì vua muốn vương quốc trở nên sang trọng.](https://hoc24.vn/quiz/tai-sao-nha-vua-lai-ra-lenh-cho-bao-phu-tat-ca-cac-con-duong-trong-vuong-quoc-bang-da-suc-vatvi-khi-vua-di-vi-hanh-da-bi-dau-chan-do-duong-gap-ghenhvi-vua-muon-vuong-quoc-tro-nen-sang-trongvi-vua-q.972796)
3. [Vì vua quan tâm đến đời sống của người dân.](https://hoc24.vn/quiz/tai-sao-nha-vua-lai-ra-lenh-cho-bao-phu-tat-ca-cac-con-duong-trong-vuong-quoc-bang-da-suc-vatvi-khi-vua-di-vi-hanh-da-bi-dau-chan-do-duong-gap-ghenhvi-vua-muon-vuong-quoc-tro-nen-sang-trongvi-vua-q.972796)
4. [Vì khi vua đi vi hành không muốn đeo giày.](https://hoc24.vn/quiz/tai-sao-nha-vua-lai-ra-lenh-cho-bao-phu-tat-ca-cac-con-duong-trong-vuong-quoc-bang-da-suc-vatvi-khi-vua-di-vi-hanh-da-bi-dau-chan-do-duong-gap-ghenhvi-vua-muon-vuong-quoc-tro-nen-sang-trongvi-vua-q.972796)

**[Câu 3: Cách giải quyết của người hầu có ưu thế gì?](https://hoc24.vn/quiz/cach-giai-quyet-cua-nguoi-hau-co-uu-the-gitiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-cua-caicach-giai-quyet-khoa-hoc-moi-lacach-giai-quyet-khong-co-uu-the-gi-hontiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-nhan-luc.972863)**

1. [Tiết kiệm thời gian, công sức, của cải.](https://hoc24.vn/quiz/cach-giai-quyet-cua-nguoi-hau-co-uu-the-gitiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-cua-caicach-giai-quyet-khoa-hoc-moi-lacach-giai-quyet-khong-co-uu-the-gi-hontiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-nhan-luc.972863)
2. [Cách giải quyết khoa học, mởi lạ.](https://hoc24.vn/quiz/cach-giai-quyet-cua-nguoi-hau-co-uu-the-gitiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-cua-caicach-giai-quyet-khoa-hoc-moi-lacach-giai-quyet-khong-co-uu-the-gi-hontiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-nhan-luc.972863)
3. [Cách giải quyết không có ưu thế gì hơn.](https://hoc24.vn/quiz/cach-giai-quyet-cua-nguoi-hau-co-uu-the-gitiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-cua-caicach-giai-quyet-khoa-hoc-moi-lacach-giai-quyet-khong-co-uu-the-gi-hontiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-nhan-luc.972863)
4. [Tiết kiệm thời gian, công sức, nhân lực.](https://hoc24.vn/quiz/cach-giai-quyet-cua-nguoi-hau-co-uu-the-gitiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-cua-caicach-giai-quyet-khoa-hoc-moi-lacach-giai-quyet-khong-co-uu-the-gi-hontiet-kiem-thoi-gian-cong-suc-nhan-luc.972863)

**Câu 4: Phương thức biểu đạt chính của VB Góc nhìn?**

1. Tự sự
2. Miêu tả
3. Biểu cảm
4. Nghị luận

**Câu 5: Văn bản *Góc nhìn* và hai VB *Học bạn, học thầy; Bàn về nhân vật Thánh Gióng gần gũi nhau về:***

1. Thể loại
2. Chủ đề góc nhìn cuộc sống
3. Tác giả
4. Phương thức biểu đạt chính

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Câu 3.** Thông điệp của câu chuyện trên là gì?

**Câu 1** Thông điệp của câu chuyện trên là gì?

**Câu 2:** Có phải lúc nào chúng ta cũng nên thay đổi cách nhìn của mình không? Vì sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, trả lời.
* GV quan sát, gợi dẫn nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi đại diện chia sẻ.
* HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

**Câu 1.** Thông điệp của câu chuyện trên:

Con người cần nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Từ đó mới có thể hiểu rõ vấn đề, đưa ra những kết luận đúng đắn nhất.

**Câu 2.**

* Không phải lúc nào chúng ta cũng nên thay đổi cách nhìn của mình.
* Nguyên nhân: Đôi khi việc thay đổi cách nhìn sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp cận vấn đề; gây ra sự hỗn loạn, hoang mang.

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học

- Tìm đọc thêm câu chuyện khác cùng chủ đề về những góc nhìn khác nhau của cuộc sống

- Chuẩn bị các câu hỏi phần chuẩn bị phần thực hành tiếng Việt trang 50

|  |
| --- |
| **Tiết 102, 103: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**  **TỪ MƯỢN- TỪ HÁN VIỆT** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được từ mượn, trình bày cách sử dụng từ mượn.

- Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và có yếu tố Hán Việt.

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**



|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Gv tổ chức trò chơi “Khám phá xe đạp của em”  Xe đạp là phương tiện thân thuộc của các em, liệu rằng các em đã biết hết tên gọi các bộ phận của chiếc xe thân yêu chưa? Cô trò chúng ta cùng tham gia trò chơi.  Gv sẽ chiếu hình ảnh chiếc xe và yêu cầu học sinh gọi tên các bộ phận của xe. Hs trả lời nhanh nhất sẽ được phần quà. Lưu ý chấp nhận 2-3 tên gọi nếu có.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Sau khi Hs chia sẻ quan điểm cá nhân  Các từ ghi- đông, cổ - phooc, sên, van, săm, gác đờ bu, pê đan…được gọi là từ mượn. Vậy từ mượn có đặc điểm, ý nghĩa gì? Cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay. | Gửi bạn ppt: Em lấy hình này làn nền, sau đó tự tạo hiệu ứng để chỉ các bộ phận của xe nhé (dựa vào ảnh trên kia)  Sau đó tạo một slide nhấn mạnh vào các từ: ghi- đông, cổ - phooc, sên, van, săm, gác đờ bu, pê đan…được gọi là từ mượn  Xe Đạp Trẻ Em Nữ SWAN Việt Hùng 20 inch - Xe đạp thể thao - địa hình |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được công dụng của từ mượn và yếu tố hán việt.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Tìm hiểu từ mượn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv yêu cầu học sinh nối cột A với cột B sao cho phù hợp sau đó giải nghĩa các từ*  *(bạn ppt nối luôn cho chị nhé)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A** |  | **B** | | 6 điều có thể bạn chưa biết về hải đăng Đại Lãnh | Ra- đi- ô | | ĐÀI RADIO PANASONIC RF-2400D CẮM ĐIỆN NGUỒN 220V | Shopee Việt Nam | Xích lô | | BỌC VÔ LĂNG ULTRA RACING URS201BK - Phụ kiện ô tô CarVn | Hoàng hôn | | Hoàng hôn và nỗi nhớ | www.tinmoitruong.vn | Hải đăng |   *+ Theo em, các từ này được mượn từ ngôn ngữ của nước nào?*  + *GV nêu tiếp yêu cầu, từ đó em hãy rút ra: Từ mượn là gì? Tiếng Việt mượn từ từ đâu? Tại sao chúng ta phải vay mượn tiếng nước ngoài?*  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - Chia sẻ, lắng nghe  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Tìm hiểu yếu tố Hán Việt**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS: trong tiếng việt, có một số lượng lớn các yếu tố Hán Việt có khả năng cấu tạo nên rất nhiều từ khác nhau.  - GV giao bài tập, HS thảo luận theo nhóm: Hãy ghép các yếu tố hán việt sau để tạo ra từ  *+ Hải*  *+ Thủy*  *+ Gia*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ, thảo luận và ghi vào phiếu  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động, gọi hs trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trình bày sản phẩm thảo luận, lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Từ mượn**   1. ***Xét ví dụ***   **- Hải đăng: đèn biển**  (được thiết kế để chiếu sáng từ một hệ thống [đèn](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%C3%A8n&action=edit&redlink=1) và [thấu kính](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A5u_k%C3%ADnh), hoặc thời xưa là chiếu sáng bằng [lửa](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%ADa), với mục đích hỗ trợ cho các [hoa tiêu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_ti%C3%AAu) trên biển định hướng và tìm đường)  ***- Ra- đi- ô:*** máy thu thanh  ***- Vô- lăng:*** tay lái ô tô (là một trong những bộ phận thuộc hệ thống lái [xe ô tô](https://www.carmudi.vn/mua-ban-o-to/), có dạng hình tròn và được tài xế trực tiếp dùng để điều khiển các hướng di chuyển của xe)  ***- Hoàng hôn:*** chiều tà (**là** từ thường dùng để chỉ một khoảng thời gian kể từ ngay sau khi Mặt Trời lặn cho tới khi trời tối hẳn )  ***2. Nhận xét***  - Tiếng việt vay mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để làm giàu cho vốn từ của mình.  - Tiếng việt mượn từ của tiếng hán và một số ngôn ngữ khác: Anh, Pháp, Nga….  **II. Yếu tố Hán Việt**  ***1. Xét ví dụ***  - Hải: hải sản, hải quân, lãnh hải…  - Thủy: thủy sản, thủy lợi, thủy quân…  + Gia: gia đình, gia tộc, gia sản…  ***2. Nhận xét***  - Các yếu tố Hán Việt có khả năng cấu tạo nên rất nhiều từ khác nhau. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs làm bài 1,2,3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1,2,3  Theo nhóm đôi  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ, thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động, gọi hs trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trình bày sản phẩm thảo luận, lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Hướng dẫn Hs làm bài 4,5,7**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 4,5,7  theo nhóm tổ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ, thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động, gọi hs trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trình bày sản phẩm thảo luận, lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Hướng dẫn Hs làm bài 6**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 6 (cá nhân)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc, suy nghĩ,  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động, gọi hs trình bày, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trình bày sản phẩm, lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  - Từ mượn tiếng Hán là: nhân loại, thế giới, nhận thức, cộng đồng, cô đơn, nghịch lí, mê cung.  - Từ mượn các ngôn ngữ khác: video, xích lô, a-xit, ba-zơ.  **Bài 2**  - Khi các hiện tượng như email, video, internet được phát minh, tiếng Việt chưa có từ vựng để biểư đạt những hiện tượng này. Do đó, chứng ta mượn các từ này để phục vụ cho giao tiếp, qua đó làm giàu có, phong phú thêm vốn từ vựng tiếng Việt.  **Bài 3**  - Người cán bộ hưu trí không thể hiểu được những điều nhân viên lễ tân nói vì nhân viên lễ tân đã lạm dụng từ mượn trong giao tiếp. Bài học rút ra là khi giao tiếp, cần tránh lạm dụng từ mượn. Chúng ta chỉ nên dùng từ mượn khi không có từ tiếng Việt tương đương để biển đạt.  **Bài 4:**     |  |  | | --- | --- | | Khái niệm | Ý nghĩa | | Tài năng | [Năng lực](https://vi.wiktionary.org/wiki/n%C4%83ng_l%E1%BB%B1c) [xuất sắc](https://vi.wiktionary.org/wiki/xu%E1%BA%A5t_s%E1%BA%AFc), [khả năng](https://vi.wiktionary.org/wiki/kh%E1%BA%A3_n%C4%83ng) làm [giỏi](https://vi.wiktionary.org/wiki/gi%E1%BB%8Fi) và có [sáng tạo](https://vi.wiktionary.org/wiki/s%C3%A1ng_t%E1%BA%A1o) một công việc gì. | | Hội họa | [Nghệ thuật](https://vi.wiktionary.org/wiki/ngh%E1%BB%87_thu%E1%BA%ADt) [tạo hình](https://vi.wiktionary.org/wiki/t%E1%BA%A1o_h%C3%ACnh) để [truyền](https://vi.wiktionary.org/wiki/truy%E1%BB%81n) đạt [tình cảm](https://vi.wiktionary.org/wiki/t%C3%ACnh_c%E1%BA%A3m), [tư tưởng](https://vi.wiktionary.org/wiki/t%C6%B0_t%C6%B0%E1%BB%9Fng) bằng cách dùng đường [nét](https://vi.wiktionary.org/wiki/n%C3%A9t) [màu sắc](https://vi.wiktionary.org/wiki/m%C3%A0u_s%E1%BA%AFc) [mà](https://vi.wiktionary.org/wiki/m%C3%A0) [tạo](https://vi.wiktionary.org/wiki/t%E1%BA%A1o) [nên](https://vi.wiktionary.org/wiki/n%C3%AAn) [hình](https://vi.wiktionary.org/wiki/h%C3%ACnh) [người](https://vi.wiktionary.org/wiki/ng%C6%B0%E1%BB%9Di), [cảnh vật](https://vi.wiktionary.org/w/index.php?title=c%E1%BA%A3nh_v%E1%BA%ADt&action=edit&redlink=1). | | Họa sĩ | [Người](https://vi.wiktionary.org/wiki/ng%C6%B0%E1%BB%9Di) [vẽ](https://vi.wiktionary.org/wiki/v%E1%BA%BD) [tranh](https://vi.wiktionary.org/wiki/tranh) [chuyên nghiệp](https://vi.wiktionary.org/wiki/chuy%C3%AAn_nghi%E1%BB%87p), có [trình độ](https://vi.wiktionary.org/wiki/tr%C3%ACnh_%C4%91%E1%BB%99) [cao](https://vi.wiktionary.org/wiki/cao) | | Phủ định | [Bác bỏ](https://vi.wiktionary.org/wiki/b%C3%A1c_b%E1%BB%8F), không [công nhận](https://vi.wiktionary.org/wiki/c%C3%B4ng_nh%E1%BA%ADn) | | Bổ sung | Thêm vào cho [đầy](https://vi.wiktionary.org/wiki/%C4%91%E1%BA%A7y) đủ | | Nhận thức | [Nhận ra](https://vi.wiktionary.org/wiki/nh%E1%BA%ADn_ra) và [biết](https://vi.wiktionary.org/wiki/bi%E1%BA%BFt) được,[hiểu](https://vi.wiktionary.org/wiki/hi%E1%BB%83u) được  [vấn đề](https://vi.wiktionary.org/wiki/v%E1%BA%A5n_%C4%91%E1%BB%81) | | Dân tộc | [Cộng đồng](https://vi.wiktionary.org/wiki/c%E1%BB%99ng_%C4%91%E1%BB%93ng) [người](https://vi.wiktionary.org/wiki/ng%C6%B0%E1%BB%9Di) [ổn định](https://vi.wiktionary.org/wiki/%E1%BB%95n_%C4%91%E1%BB%8Bnh) | | Nhân dân | [Toàn thể](https://vi.wiktionary.org/wiki/to%C3%A0n_th%E1%BB%83) [người](https://vi.wiktionary.org/wiki/ng%C6%B0%E1%BB%9Di) [dân](https://vi.wiktionary.org/wiki/d%C3%A2n) trong một [nước](https://vi.wiktionary.org/wiki/n%C6%B0%E1%BB%9Bc) | | Phát triển | Là quá trình vận động lớn lên, trưởng thành | | Nhân sinh | [Sự sống](https://vi.wiktionary.org/w/index.php?title=s%E1%BB%B1_s%E1%BB%91ng&action=edit&redlink=1) của [con người](https://vi.wiktionary.org/wiki/con_ng%C6%B0%E1%BB%9Di). |   **Bài 5:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Yếu tố Hán Việt | Từ ghép Hán Việt | | 1 | Bình (bằng phẳng, đều nhau) | Bình nguyên, trung bình | | 2 | Đối (đáp lại, ứng với) | Đối thoại, đối chất, đối xử, đối đầu, đối mặt | | 3 | Tư (riêng tư, ứng với | Tư thục, tư nhân, tư chất, tư lợi… | | 4 | Quan (xem) | Quan điểm, quan sát, lạc quan, tham quan | | 5 | Tuyệt (cắt đứt, hết, dứt) | Tuyệt chủng, tuyệt mệnh, tuyệt tình,… |   **Bài 7**  a. thiên trong thiên vị: nghiêng, lệch; thiên trong thiên văn: trời; thiên trong thiên niên kỉ: một nghìn.  b. hoạ trong tai hoạ: điều không may xảy tới; hoạ trong hội hoạ: nghệ thuật tạo hình, dùng màu sắc, đường nét để mô tả sự vật, hình tượng; hoạ trong xướng hoạ: hát hoà theo.  c. đạo trong lãnh đạo: chỉ đạo; đạo trong đạo tặc: ăn trộm, ăn cắp; đạo trong địa đạo: con đường.  **Bài 6:**  - Hết dịch Covid-19 lớp em sẽ đi tham quan Hồ Gươm.  - Anh ấy làm việc không một chút tư lợi nên được mọi người yêu mến.  - Đội tuyển VN và Thái Lan đã có màn đối đầu gay cấn. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| * **Vận dụng vào viết ngắn.**   **Hình thức: Làm việc cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Theo dõi SGK trang 51, hoàn thành bài tập viết ngắn.   * Yêu cầu HS xác định yêu cầu của đề * Dũng kĩ thuật động não (thảo luận nhóm đôi) để viết:   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ , viết đoạn văn theo yêu cầu.  - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần.  GV có thể gợi ý HS cụ thể:  + Ý kiến của em như thế nào về việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ? (có lợi hay không)  + Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ đem lại lợi ích gì?  + Lấy bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm của em.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn.  Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS.  **Lưu ý**: Nếu BT 6 không còn thời gian thì GV giao cho HS về nhà hoàn chỉnh sau. | **Viết ngắn:** Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ đem lại lợi ích gì? Em hãy viết một đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đó có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.  Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu:  - Nội dung:  + Kiểu bài: nghị luận (trình bày quan điểm, ý kiến để thuyết phục người đọc)  + Vấn đề: Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ đem lại lợi ích.  + Lí lẽ:  + + Tạo ra cái nhìn đa chiều, từ đó giúp người ta giải quyết những khó khăn tốt nhất  + + Nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ sẽ giúp ta có cái nhìn khách quan, chủ động, tích cực, tránh được sai lầm  + + học hỏi thêm được nhiều tri thức, kĩ năng bổ ích cho hành trình đến với thành công.  Bằng chứng:  + + Nhìn nhận về phương pháp học tập, có người cho rằng chỉ cần học thầy, hăng hái, chăm chỉ trong học tập là đủ. Nhưng ở một góc độ khác, ngoài việc học thầy, cần học bạn….  + + Nhìn nhận về nhiệm vụ rèn luyện của mỗi HS. Ngoài nhiệm vụ học tập, mỗi chúng ta cần rèn luyện sức khỏe, kĩ năng sống, đạo đức lối sống…Để từ đó, có cách đắn, toàn diện về từng bạn trong tổ nhóm của mình.  - Dung lượng đoạn văn khoảng 200 chữ, đảm bảo hình thức đoạn văn. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Đoạn văn trình bày suy nghĩ về vấn đề “Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ đem lại lợi ích”  **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn đã đi đúng thể loại nghị luận, biết nêu ý kiến, nhưng còn chưa thuyết phục, mắc một số lỗi chính tả  ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng đã có sức thuyết phục về vấn đề, không mắc lỗi chính tả  (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về vấn đề diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả.  (9- 10 điểm) |

**\*Đoạn văn tham khảo:**

Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ đem đến cho chúng ta nhiều ích lợi. Đầu tiên khi xem xét vấn đề ở nhiều góc độ khác nhau, con người sẽ có cái nhìn toàn diện nhất, từ đó đưa ra được những đánh giá hay quyết định đúng đắn cho vấn đề. Khi họp tổ để bình bầu thi đua cho các bạn trong lớp, ta nhìn nhận về nhiệm vụ rèn luyện của mỗi bạn như thế nào. Ngoài phương diện học tập, cần chú ý đến phương diện rèn luyện sức khỏe, kĩ năng sống, đạo đức lối sống…Để từ đó, có cách đắn, toàn diện về từng bạn trong tổ nhóm của mình. Tiếp đến, cái nhìn đa chiều sẽ giúp con người tránh được lối suy nghĩ chủ quan, phiến diện mà dẫn đến mắc phải sai lầm. Chẳng hạn, khi nhìn nhận về phương pháp học tập, có người cho rằng chỉ cần học thầy, hăng hái, chăm chỉ trong học tập là đủ. Nhưng ở một góc độ khác, ngoài việc học thầy, chúng ta cần học bạn bè, học từ mọi người xung quanh. Đồng thời, chúng ta sẽ học hỏi thêm được nhiều tri thức, kĩ năng bổ ích cho hành trình đến với thành công. Không chỉ có vậy, lợi ích to lớn hơn cả là rèn luyện khả năng tư duy , sáng tạo của mỗi người. Như vậy, chúng ta cần phải nhìn tích cực rèn luyện cách nhìn nhận vấn đề một cách đa diện.

**Hướng dẫn tự học ở nhà:**

* HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.
* Đọc VB Thực hành đọc mở rộng theo thể loại: “ Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc? (Phạm Thị Ngọc Diễm)

**Hướng dẫn tự học: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**VĂN BẢN: PHẢI CHĂNG CHỈ CÓ NGỌT NGÀO MỚI LÀM NÊN**

**HẠNH PHÚC? (Phạm Thị Ngọc Diễm)**



**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận: các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB, chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một Vb nghị luận có nhiều đoạn.

**2. Phẩm chất:**

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh liên quan

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện: Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV cho HS xem một đoạn video ẩm thực mẹ làm theo đường dẫn:

<https://www.youtube.com/hashtag/bunrieucuadong>

Em có cảm xúc gì đoạn vi deo trên? Theo em, nhân vật người con quay video cảm thấy hạnh phúc đến từ đâu? Còn em, em thấy hạnh phúc của mình là gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ suy nghĩ

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài học mới.

**GV lắng nghe phần chia sẻ của HS**

**🡺GV dẫn vào bài:** Mỗi chúng ta ai cũng mong mình được sống trong tình thương, sự quan tâm của những người xung quanh. Các em có biết, đôi khi hạnh phúc, niềm vui của mỗi người lại đến từ những điều bình dị, gần gũi như được nghe một lời chào, được nhìn thấy người thân nở nụ cười, và có khi là một bữa ăn do mẹ nấu… Để hiểu được điều đó, chúng ta cùng lắng nghe chia sẻ của người mẹ với con trong VB “Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?”

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về thể loại, đọc văn bản, nội dung bài học

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV –HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV 1: Hướng dẫn hs đọc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản?*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi  **2. Thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục**  - Thể loại: văn nghị luận.  - Phương thức biểu đạt: nghị luận |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận: các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB, chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một Vb nghị luận có nhiều đoạn.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Hoàn thành PHT sau* | **II. Suy ngẫm và phản hồi** |
| **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | |  |  |  | |  |  |  |   **Gợi ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Ngọt ngào mang đến hạnh phúc | - Ngọt ngào mang đến cho con người sự thoải mái, bình yên.  - Cuộc sống sung túc giúp con người làm điều mình thích mà không bị giới hạn | - Cử chỉ quan tâm, yêu thương của cha mẹ cho con cái.  - Tỉ phú Bin Gết-xờ. | | Hạnh phúc không chỉ đến từ ngọt ngào mà còn có thể đến từ nỗi đau. | - Khi trải qua đau khổ để tìm thấy hạnh phúc, ta mới nhận ra hạnh phúc đáng trân trọng. | - Quá trình sinh con của người mẹ.  - “Đóa hoa yêu múa” Võ Thị Ngọc Nữ. | | |
| - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Tổ chức trò chơi ô chữ bí mật

Câu 1: Dày công luyện tập không nề hà vất vả được gọi là gì?

Câu 2: Đây là câu chúc hay được sử dụng trong dịp Tết âm lịch?

Câu 3: Một ý nghĩa của của trung thu?

Câu 4: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao sau:

Lạy trời lạy phật lạy vua

Cho tôi…tôi xua con ruồi”

Câu 5: Điền từ còn thiếu vào câu hát: “Nào anh em ta cùng nhau…lên đàng, kiếm nguồn tươi sáng”

Câu 6: Điền từ còn thiếu vào câu tục ngữ: “…là mẹ thành công”

Câu 7: Trong mâm ngũ quả ở miền Nam thường có “cầu- sung- vừa- đủ- xài”. Vậy “sung” mang ý nghĩa gì?

Câu 8: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao sau:

Ra về …như mưa

Đành duyên, đành phận, mà chưa đành lòng

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  |  | **K** | **H** | **Ổ** | **L** | **U** | **Y** | **Ệ** | **N** |  |
| **2** |  |  |  |  |  | **V** | **Ạ** | **S** | **Ự** | **N** | **H** | **Ư** | **Ý** |  |
| **3** |  |  |  | **Đ** | **O** | **À** | **N** | **V** | **I** | **Ê** | **N** |  |  |  |
| **4** |  |  | **S** | **Ứ** | **C** | **K** | **H** | **Ỏ** | **E** |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  | **X** | **Ô** | **N** | **G** | **P** | **H** | **A** |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ấ** | **T** | **B** | **Ạ** | **I** |  |  |
| **7** |  | **S** | **U** | **N** | **G** | **T** | **Ú** | **C** |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  | **N** | **Ư** | **Ớ** | **C** | **M** | **Ắ** | **T** |  |  |  |  |

**Tiết 104: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- HS khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong 8 tuần đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học ở các bài 6, 7, 8.

- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập, giúp HS tự đánh giá kết quả học tập giữa học kì II.

**2. Phẩm chất**

Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phương tiện, học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

**2. Học sinh.**

Xem lại các đơn vị kiến thức đã học trong các bài: bài 6 (Điểm tựa tinh thần); bài 7 (Gia đình yêu thương); bài 8 (Những góc nhìn cuộc sống).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**CUỘC THI RUNG CHUÔNG VÀNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh tổng hợp kiến thức đã khám phá được qua tất cả các bài học trong học kì 1.

**b. Nội dung hoạt động:** HSTham gia cuộc thi

**-** Tự tổng hợp kiến thức theo gợi ý và giúp đỡ của GV

**c. Sản phẩm:** Đáp án từng câu, từng phần của 4 đội chơi.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**- Chia lớp làm 4 đội**. Gv yêu cầu HS thực hiện phiếu học tập số 1. Mỗi đội được phát một bảng ghi và 1 bút dạ. Thành viên các đội phải tự chuẩn bị giấy bút để thảo luận. Mỗi đội sẽ cử một đội trưởng điền đáp án.

**- Người dẫn chương trình kiêm thư kí:** giáo viên (GV có thể mời một cán bộ Văn) tham gia cuộc thi với tư cách là thư kí

- Đội nào viết nhanh, chính xác các nội dung trong phiếu sớm nhất sẽ nhận phần thưởng là tràng vỗ tay.

**Câu 1:** “*Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra* *là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”* Câu văn khắc họa nhân vật Sơn trong truyện “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam qua phương diện nào?

1. Ngoại hình của nhân vật
2. Ngôn ngữ nhân vật
3. Hành động của nhân vật
4. Ý nghĩ của nhân vật

**Đáp án:** ***Ý nghĩ của nhân vật***

**Câu 2:** Văn bản “Tuổi thơ tôi” sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

1. Tự sự
2. Miêu tả
3. Biểu cảm
4. Nghị luận

**Đáp án: Tự sự**

**Câu 3**: Các yếu tố: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật,...là yếu tố cơ bản của thể loại truyện. Đúng hay sai?

1. Đúng
2. Sai

**Đáp án: Đúng.** (Vì truyện là một loại tác phẩm văn học, sử dụng phương thức kể chuyện, bao gồm các yếu tố: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật,.)

**Câu 4:** Những bài thơ: *: Những cánh buồm*; *Chị sẽ gọi em bằng tên; Con là...*cùng viết về chủ đề:

1. Quê hương
2. Tình yêu thương, chia sẻ
3. Tình cảm gia đình
4. Tình yêu thiên nhiên.

**Đáp án:** **C. Tình cảm gia đình**

**Câu 5**: Đọc đoạn văn sau, xác định câu chủ đề:

*Trong cuộc đời của mỗi con người, học từ thầy là quan trọng nhất (1). Nhân dân ta có truyền thống tôn sư trọng đạo, luôn luôn đề cao vai trò của người thầy(2). Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề khắc chạm, hoặc nghiên cứu khoa học(3).*

1. Câu 1
2. Câu 2
3. Câu 3
4. Không có câu chủ đề

**Đáp án: Câu 1**

**Câu 6** Từ chiều trong câu ca dao “Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều” là hiện tượng:

1. Từ đồng âm B. Từ đa nghĩa.

**Đáp án: Từ đồng âm**

**Câu 7:** Những nét đặc sắc về nội dung của bài thơ *Mây và sóng* của Ta-go là gì?

###### A. Tình mẫu tử thiêng liêng và triết lí sâu sắc về tình yêu cuộc sống

B. Tái hiện bức tranh cuộc sống sinh động, chân thực

C. Thể hiện ước mơ tự do, bay bổng, lãng mạn

D. Tái hiện bức tranh thiên nhiên đẹp, mơ mộng, kì ảo

###### Đáp án: A. Tình mẫu tử thiêng liêng và triết lí sâu sắc về tình yêu cuộc sống

**Câu 8:** Trong bài văn nghị luận, người viết dùng lí lẽ và dẫn chứng để nhằm mục đích gì?

A. Kể lại một câu chuyện

B. Bộc lộ cảm xúc

C. Thuyết phục người đọc (người nghe)

D. Tái hiện cảnh vật, con người

**Đáp án: Thuyết phục người đọc (người nghe)**

**Câu 9:** Yếu tố **đồng** nào trong các từ sau có nghĩa là trẻ em?

1. Đồng tình
2. Đồng thoại
3. Đồng bào
4. Đồng tâm
5. **Đáp án: Đồng thoại**

**Câu 10:** Từ nào trong các từ sau không phải từ mượn tiếng Hán?

1. Đối thoại
2. Thiên nhiên
3. Bình đẳng
4. Xà phòng

**Đáp án: Xà phòng**

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP, HỆ THỐNG KIẾN THỨC**

**I. ÔN TẬP VỀ THỂ LOẠI VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS

- Ôn lại kiến thức về các thể loại, đặc điểm của các thể loại văn bản, kiểu văn bản.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

- HS trình bày được những suy nghĩ, thích thú, bài học của bản thân qua một văn bản mình ấn tượng.

**b. Nội dung**:

GV yêu cầu HS lập bảng hệ thống danh sách các thể loại hoặc loại văn bản đã học ở học kì 2 (chỉ ra được đặc điểm thể loại)

Hs thuyết trình về điều tâm đắc của mình qua việc đọc một cuốn sách.

HS làm việc nhóm đôi, kĩ thuật khăn trải bàn

**c. Sản phẩm:** HS trình bày được bảng hệ thống danh sách các thể loại hoặc loại văn bản đã học ở học kì 2.

- Thuyết trình được điều tâm đắc của bản thân qua đọc một đoạn văn bản.

**Hoàn thành các bài tập sau:**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Văn bản** | **Thơ** | **Truyện** | **Nghị luận** |
| **1** | *Con gái của mẹ* |  |  |  |
| **2** | *Gió lạnh đầu mùa* |  |  |  |
| **3** | *Những cánh buồm* |  |  |  |
| **4** | *Tuổi thơ tôi* |  |  |  |
| **5** | *Mây và sóng* |  |  |  |
| **6** | *Chiếc lá cuối cùng* |  |  |  |
| **7** | *Chị sẽ gọi em bằng tên* |  |  |  |
| **8** | *Học thầy,học bạn* |  |  |  |
| **9** | *Bàn về nhân vật Thánh Gióng* |  |  |  |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **THỂ LOẠI** | **VĂN BẢN LỰA CHỌN** | **ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI** |
| **Bài 6** | **Truyện** |  |  |
| **Bài 7** | **Thơ** |  |  |
| **Bài 8** | **Nghị luận** |  |  |

**Phiếu học tập số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | **Cách đọc hiểu văn bản theo thể loại** |
| **Truyện** |  |
| **Thơ** |  |
| **Nghị luận** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **(1) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS thực hiện **kĩ thuật khăn trải bàn,** hoàn thành phiếu học tập số 01. Thời gian: 7 phút  *1. Lập danh sách các thể loại đã được học trongbài 6,7,8. Với mỗi thể loại đã học, chọn một văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:*  *Chỉ ra đặc điểm cơ bản của thể loại được thể hiện qua văn bản ấy.*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | Bài 1. Lập danh sách các thể loại, và đặc điểm của thể loại. |

**Bài tập 1: Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Văn bản** | **Thơ** | **Truyện** | **Nghị luận** |
| **1** | *Con gái của mẹ* |  |  |  |
| **2** | *Gió lạnh đầu mùa* |  | **x** |  |
| **3** | *Những cánh buồm* | **x** |  |  |
| **4** | *Tuổi thơ tôi* |  | **x** |  |
| **5** | *Mây và sóng* | **x** |  |  |
| **6** | *Chiếc lá cuối cùng* |  | **x** |  |
| **7** | *Chị sẽ gọi em bằng tên* |  | **x** |  |
| **8** | *Con là…* | **x** |  |  |
| **9** | *Học thầy,học bạn* |  |  | **x** |
| **10** | *Bàn về nhân vật Thánh Gióng* |  |  | **x** |

**Bài tập 2:** Lập bảng thống kê các đơn vị kiến thức đã học trong các bài học 6, 7, 8 theo mẫu sau:

**Gợi ý Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **THỂ LOẠI** | **VĂN BẢN LỰA CHỌN** | **ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI** |
| **Bài 6** | **Truyện** | *Gió lạnh đầu mùa* | *- Đề tài:* Truyện nói về việc cho áo và cho vay tiền mua áo của hai gia đình ở một phố huyện nghèo.  - *Chủ đề:* Ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, sự giúp đỡ, chia sẻ của những người nghèo với nhau  - *Chi tiết tiêu biểu*: Sơn đã nói thầm với chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên đem cho cái Hiên  -  *Nhân vật:*Sơn và chị Lan đều là những đứa sống giàu t́ình thương, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn. |
| **Bài 7** | **Thơ** | *Những cánh buồm* | - Thể thơ tự do linh hoạt  - Có sự kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật: ẩn dụ, điệp ngữ, từ láy, đối lập,…  - Hình ảnh thơ độc đáo, từ ngữ chắt lọc, tái hiện, lời thơ giản dị, tác giả đã khéo léo xây dựng ngôn ngữ đối thoại mang tính thẩm mĩ cao.  **-** Nhịp thơ trầm lắng, bay bổng, thể hiện được tình cảm ca con thiết tha, sâu lắng.  - Bài thơ đã thuật lại cuộc trò chuyện giữa hai cha con trước biển cả bao la.  - Qua đó, ca ngợi ước mơ khám phá cuộc sống của trẻ thơ và thể hiện tình cảm cha con sâu sắc, người cha đã dìu dắt và giúp con khám phá cuộc sống. |
| **Bài 8** | **Nghị luận** | *Học thầy, học bạn* | - Vấn đề nghị luận: Bàn về tầm quan trọng của việc học thầy, học bạn đối với mỗi người.  - Bài văn nghị luận với ý kiến xác đáng, lập luận chặt chẽ, lí lẽ và dẫn chứng sắc bén, thuyết phục để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  - Tác giả khẳng định tầm quan trọng của việc học thầy, học bạn.  - Học thầy, học bạn là hai quá trình bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong quá trình học tập, tạo nhận thức toàn diện về việc học |

**Bài tập 3: Cách đọc hiểu văn bản theo thể loại: Phiếu học tập số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | **Cách đọc hiểu văn bản theo thể loại:** |
| **Truyện** | - Đọc kĩ tác phẩm để xác định nhân vật, chi tiết tiêu biểu của truyện, tóm tắt được cốt truyện.  **-** Chỉ ra những đặc điểm của nhân vật trong truyện thông qua các phương diện: ngoại hình, ngôn ngữ nhân vật, ý nghĩ, hành động,...của nhân vật.  - Nhận biết đề tài, chủ đề, người kể chuyện.  - Rút ra được bài học cho bản thân. |
| **Thơ** | - Nhận biết được các yếu tố hình thức nổi bật của bài thơ: nhan đề, dòng thơ, khổ thơ, vần nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, …  - Hiểu được bài thơ là lời của ai? nói với ai? nói về điều gì? nói bằng cách nào? Cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ?  - Chỉ ra tình cảm, cảm xúc của người viết và những tác động của chúng đến tình cảm của người đọc. |
| **Nghị luận** | - Nhận biết vấn đề mà tác giả nêu trong văn bản.  - Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ ý kiến.  - Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,…)  - Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đặt ra với mọi người. |

**II. CÁC KIỂU BÀI VIẾT ĐÃ THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS

- Ôn lại kiến thức về các kiểu bài viết đã học ở bài 6,7,8 về mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện bài viết cũng như đề tài cụ thể và những kinh nghiệm quý báu khi viết các kiểu bài đó.

**b. Nội dung**:

GV yêu cầu HS lập bảng hệ thống các kiểu bài (thực hiện phiếu học tập số 3).

HS làm việc nhóm (sử dụng kĩ thuật cặp đôi chia sẻ)

**c. Sản phẩm:** Bảng hệ thống các kiểu bài (thực hiện phiếu học tập số 3)

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Phiếu học tập số 4**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Các kiểu bài viết** | **Mục đích** | **Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài** | **Các bước cơ bản để thực hiện bài viết** |
| **6** |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HOẠT ĐỘNG NHÓM THEO CẶP ĐÔI  GV hướng dẫn HS tìm ý chính ý theo Phiếu học tập số 4  - Hướng dẫn HS viết ý tưởng cá nhân, sau đó thảo luận thống nhất ý kiến với bạn. Hãy nêu các kiểu bài viết mà em đã thực hành ở các bài 6,7,8. Với mỗi kiểu bài, cho biết:  a*. Mục đích mà kiểu bài hướng tới.*  *b. Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.*  *c. Các bước cơ bản để thực hiện bài viết.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **II. CÁC KIỂU BÀI VIẾT ĐÃ THỰC HÀNH** |

(Mỗi kiểu bài trình chiếu 1 sile riêng)**: Phiếu học tập số 4**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài**  **học** | **Các kiểu bài viết** | **Mục đích** | **Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài** | **Các bước cơ bản để thực hiện bài viết** |
| **6** | Viết biên bản về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc | - Hiểu được cấu trúc của một biên bản.  - Nắm được các yêu cầu về hình thức và nội dung của một biên bản  - Biết viết một biên bản đúng quy cách. | **a. Về hình thức, bố cục cần có:**  - Quốc hiệu và tiêu ngữ; tên văn bản; thời gian, địa điểm ghi biên bản.  - Thành phần tham dự.  - Diễn biến sự kiện thực tế  - Phần kết thúc  **b. Về nội dung, thông tin cần đảm bảo:**  - Số liệu, sự kiện chính xác, cụ thể.  - Ghi chép trung thực, đầy đủ không suy diễn chủ quan.  - Nội dung ghi chép phải có trọng tâm, trọng điểm. | - Tìm hiểu nội dung, mục đích cuộc thảo luận/ cuộc họp.  - Chuẩn bị viết biên bản: người viết biên bản có thể ghi trước các mục, các phần cơ bản của một biên bản.  - Viết biên bản.  - Chỉnh sửa và đọc lại biên bản cho các thành viên dự họp nghe. |
| **7** | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. | Nêu lên những suy nghĩ và rung động của em về bài thơ đó ( về chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ mà em có ấn tượng và yêu thích) | - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.  - Trình bày cảm xúc về một bài thơ.  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  - Các câu trong đoạn văn cần được liên kết với nhau chặt chẽ để tạo sự mạch lạc cho đoạn văn. | - Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.  - Xác định chủ đề của bài thơ.  - Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.  - Nêu lên các lí do khiến em thích. |
| **8** | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống | Thuyết phục người khác bằng lập luận theo ý kiến của mình về một hiện tượng trong đời sống | - Nêu được hiện tượng cần bàn luận.  - Thể hiện được ý kiến của người viết.  - Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.  - Bố cục bài viết rõ ràng | * Lựa chọn đề tài. * Xác định ý kiến, thái độ của em * Những khía cạnh cần bàn bạc * Bài học rút ra từ hiện tượng |

**III. NHỮNG NỘI DUNG THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã thực hành nói và nghe đã học ở bài 6,7,8.

- Hiểu được mục đích của hoạt động nói ở các văn bản ở các bài 6,7,8.

**b. Nội dung**:

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS suy nghĩ câu hỏi của Gv.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS thông qua hình thức vấn đáp, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân.**  Hãy khái quát các kiểu bài viết em đã thực hành bài 6,7,8  Nhiệm vụ:  - *Những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài trong học kì vừa qua là gì?Nêu những yêu cầu cần chú ý khi thực hiện từng dạng bài nghe nói ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi, hoàn thiện yêu cầu nhiệm vụ được giao  **Bước: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS xung phong trình bày;  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Nhận xét phần trình bày của các cá nhân, để bổ sung.  GV chú ý rèn cho HS tác phong tự tin, mạnh dạn trình bày quan điểm cá nhân. | **1. Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác**  - Phác thảo những nội dung định nói dưới dạng những gạch đầu dòng. Tiếp theo, trình bày ngắn gọn những nội dung đó.  - Lắng nghe và ghi tóm tắt nội dung trình bày, đọc lại và chỉnh sửa  2. Tham gia thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất:  **- Chuẩn bị:** Thành lập nhóm và phân công công việc; chuẩn bị nội dung buổi thảo luận; thống nhất thời gian và mục tiêu của buổi thảo luận.  - **Thảo luận: trình bày ý kiến** rõ ràng, mạch lạc và dễ hiểu.  **- Phản hồi ý kiến:** lắng nghe bạn trình bày đểnắm và hiểu được ý kiến thảo luận của các bạn trong nhóm; đưa ra những nhận xét về ưu điểm, yếu tố sáng tạo hay hạn chế trong ý kiến đóng góp của các thành viên.  **3. Trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm**  - thuyết phục người nghe về ý kiến của bản thân trước về một hiện tượng trong đời sống  - Tóm lược nội dung bài viết thành dạng đề cương. |

**IV. KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT BÀI 6,7,8**

**a. Mục tiêu**:

Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức tiếng Việt ở bài 6,7,8.

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc nhóm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d.Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**1. Công dụng của dấu ngoặc kép**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:** **GV giao nhiệm vụ:**  Liệt kê những kiến thức tiếng Việt mà em đã được học trong bài 6,7,8.  *Dấu ngoặc kép có công dụng gì?Tìm công dụng của dấu ngoặc kép trong trường hợp sau đây:*  *Các bạn ồ lên thích thú, thì ra Lan là một "danh ca" chính hiệu.*  GV hướng dẫn HS làm việc theohình thức cá nhân  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, theo dõi ví dụ, xác định conong dụng của dấu ngoặc kép, từ đó tái hiện ôn tập kiến thức.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả. | **a**. Công dụng của dấu ngoặc kép: một trong những công dụng của *dấu ngoặc kép* là đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường.  .  **b. Ví dụ:**  *Các bạn ồ lên thích thú, thì ra Lan là một "danh ca" chính hiệu.*  Nhấn mạnh từ *danh ca* được dùng với ý nghĩa đặc biệt là chỉ người hát rất hay, hát hay như ca sĩ. |

**2. Đặc điểm chức năng của văn bản và đoạn văn**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:** **GV giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS làm việc theohình thức cá nhân  *- Thế nào là văn bản ? Lấy ví dụ (kể tên) về một số văn bản em biết?*  *- Nêu cách em nhận biết đoạn văn?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, thảo luận, cùng thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận  -Các nhóm nhận xát, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả. | **a. Văn bản :**  + là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ,  + thường là tập hợp của các câu, các đoạn, + hoàn chỉnh về nội dung và hình thức,  + có tính liên kết chặt chẽ, nhằm đạt một mục tiêu giao tiếp nhất định.  **b. Đoạn văn**  + Biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn.  + Bắt đầu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu để ngắt đoạn  + Có thể có câu chủ đề hoặc không có câu chủ đề. |

**3. Từ đa nghĩa, từ đồng âm**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:** **GV giao nhiệm vụ:** HS thực hiện phiếu học tập theo nhóm **phiếu học tập số 5**  ? Hãy phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa?  ? Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào là hiện tượng đồng âm? Trường hợp nào là hiện tượng đa nghĩa? Vì sao?  (1)  - Chú bé loắt choắt  Cái sắc xinh xinh  Cái chân thoăn thoắt  Cái **đầu** nghênh nghênh   * Dù ai nói ngả nói nghiêng   Lòng ta vẫn vững như kiềng ba **chân**  (2). **Đường** ra trận mùa này đẹp lắm  Ngọt như **đường**  **Bài tập:**  **Phiếu học tập số 5**   |  |  | | --- | --- | | Sự khác biệt  giữa từ đồng âm và từ đa nghĩa | | | **Từ đa nghĩa** | **Từ đồng âm** | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, thảo luận, cùng thực hiện phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận  -Các nhóm nhận xát, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả. | **a. Sự khác biệt giữa từ đồng âm và từ đa nghĩa**   |  |  | | --- | --- | | **Từ đa nghĩa** | **Từ đồng âm** | | Là một từ mà có nhiều nghĩa.  + Các nét nghĩa có mối liên quan chặt chẽ, nghĩa chuyển sinh ra trên cơ sở nghĩa gốc | là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan gì với nhau. |   **b. Bài tập:**  (1) Từ **chân** trong các trường hợp ở câu (1) là hiện tượng từ đa nghĩa.   * **Chân** trong “*Cái chân”* mang nghĩa gốc chỉ bộ phận cơ thể người, động vật để đi đứng, di chuyển , là nghĩa gốc * **Chân** trong “c*hân kiềng”* bộ phận của đồ vật, giữa cho vật đứng, tiếp giáp với mặt phẳng, là nghĩa chuyển   (2) Từ *đường*trong các trường hợp ở câu (2) là hiện tượng từ đồng âm.  **- Đường** trong ***Đường*** *ra trận* là chỉ đường đi  **- Đường** trong *Ngọt như* ***đườn****g* là tên loại thức ăn làm từ thực vật có vị ngọt.  Đây là hai từ có cách phát âm khác nhau nhưng nghĩa khác xa nhau, không có mối liên quan nào. |

**4.**  Từ mượn

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:** **GV giao nhiệm vụ:** Hình thức cá nhân  ? Từ mượn là gì? Yếu tố Hán Việt có vai trò như thế nào trong việc tạo từ Hán Việt? Ví dụ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, thảo luận, cùng thực hiện  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận  - Các HS nhận xát, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả. | - Từ mượn là từ có nguồn gốc từ nước ngoài. Từ mượn của tiếng Việt có từ Hán Việt, từ mược tiếng Anh, tiếng Pháp, …  - Trong tiếng Việt có một bộ phận lớn các yếu tố Hán Việt có khả năng tạo nên rất nhiều từ khác nhau  Ví dụ: Tạo từ Hán Việt theo cấu trúc: Hải+ X ( hải phận)  + Hải lí, hải tặc, hải cẩu, hải đăng, hải ngoại,… |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP CHUNG**

**a) Mục tiêu**: Luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của HS

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ :**

**Câu 1:** Hãy cho biết những kiến thức tiếng Việt ấy đã giúp em đọc, viết, nói và nghe như thế nào.

**Câu 2**: Những bài học cuộc sống mà em rút ra sau khi học các VB đọc hiểu ở bài 6,7,8?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận trong 5 phút**

- Các nhóm tiến hành thảo luận, hoàn thành sản phẩm học tập ra phiếu học tập của nhóm.

- GV quan sát, giúp đỡ (nếu cần).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm đã thảo luận.

- Các HS hoặc các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm, thái độ làm việc của các nhóm, các cá nhân và cho điểm.

- GV chốt kiến thức:

**Bài 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Đội trưởng thổi còi báo xong buổi tập. Cả đội bơi vào bờ, rầm rập chạy lên cầu, vơ vội quần áo mặc vào người. Lúc này tất cả mới thấm lạnh. Đứa nào đứa nấy run cầm cập. Chúng nghiêng đầu nhảy cho nước trong tai chảy ra. Ván cầu kêu rầm rầm. Đội trưởng hô đội tập hợp ngay trên cầu, nhận xét buổi tập. Riêng thằng bé lạ hoắc chui bừa vào hàng ngũ đội, một mình đứng nép vào lề cầu bên kia. Nó cởi quần áo ướt sũng, vắt khô nước rồi giũ phơi lên thành cầu.*

**( Trích “ Tuổi thơ dữ dội” – Phùng Quán)**

1. Nêu phương thức biểu đạt của đoạn trích?

2. Chỉ ra từ Hán Việt trong câu “Đội trưởng thổi còi báo xong buổi tập”?

3. Nêu nội dung chính của đoạn trích?

4. Suy nghĩ của em về kí ức tuổi thơ bằng đoạn văn 5-7 câu trong đó có sử dụng ít nhất 1 từ mượn.

**Gợi ý trả lời**

1. Phương thức biểu đạt chính là tự sự.

2. Từ hán Việt: Đội trưởng

3. Nội dung chính: kể về buổi tập bơi của đội

4. Mỗi con người ai cũng có tuổi thơ của mình , lúc êm đềm , lúc dữ dội mà không bảo giờ quên được. Tuổi thơ chúng  ta gắn liền với những người bạn , với những trò chơi thời thơ ấu. Những buổi chiều đánh ô đánh đáo, thả diều, tắm mưa, tắm sông... những lúc bị bố mẹ la vì mải chơi quên giờ. Những buổi trưa trốn ngủ đi hái sim, bắt chuồn chuồn mới đáng nhớ làm sao. Kỉ niệm tuổi thơ luôn đáng nhớ bởi đó là kỉ niệm vô tư, trong trẻo. Kỉ niệm tuổi thơ sẽ là hành trang nâng đỡ con người suốt cuộc đời.

* Từ mượn Hán Việt:thơ ấu, kỉ niệm, vô tư, hành trang, …

**Bài 2**: Rút ra những bài học cuộc sống sau khi học các VB đọc hiểu ở bài 6,7,8.

**Gợi ý trả lời**

- Bài học về lòng yêu thương, chia sẻ, đồng cảm, nhận ra đ**iểm tựa tinh thần có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với mỗi người** qua các VB truyện *Gió lạnh đầu mùa, Tuổi thơ tôi, Chiếc lá cuối cùng*

- Bài học về lòng nhân ái, chan hòa, yêu thương, quan tâm người trong gia đình, sống có ước mơ, thể hiện qua các VB thơ *Những cánh buồm*, *Mây và sóng, Con là...*

- Bài học về sự thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người qua các VB*Học thầy,học bạn; Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?* …

**Bài 3**: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả mà em yêu thích.

**Bài 4:** Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống mà em quan tâm.

**=>Yêu cầu**:

- Bài 3,4: GV giao cho HS chuẩn bị ở nhà nên GV yêu cầu HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

- Hướng dẫn học ở nhà: Ôn tập tốt các kiến thức bài 6,7,8 để chuẩn bị kiểm tra giữa học kì II.

**Tiết 105, 106: KIỂM TRA GIỮA KÌ (KKTT)**

1. **VIẾT**

**Tiết giảm tải: VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN MỘT HIỆN TƯỢNG**

**TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống

- Các yêu cầu, bố cục, kí năng viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý và lập dàn ý, viết bài, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Bước đầu viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3,4

- Tranh ảnh liên quan

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Cách 1: *Em có thường theo dõi sách báo không? Có vấn đề nào mà em quan tâm? Suy nghĩ của em về vấn đề đó như thế nào?*  *Cách 2: Tổ chức trò chơi Đuổi hình bắt chữ. Mỗi hình ảnh tương ứng với một hiện tượng đời sống, em hãy gọi tên hiện tượng đó*  Muộn giờ, trễ hẹn, giờ cao su: hãy nhớ người không giữ chữ TÍN công việc ắt  đổ vỡ đừng mơ thành công trong lập nghiệp - Bond  Phạt tới 7 triệu đồng nếu vứt rác bừa bãi - Hội Nông Dân tỉnh Ninh Bình Chiếm đoạt tiền từ thiện bị xử lý như thế nào?  CNN đưa tin về các cây ATM gạo ở Việt Nam | VOV.VN hiến máu nhân đạo 2020  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi hs 2-3 hs bất kì trả lời  - HS trình bày sản phẩm. Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu cách viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.  *- Hàng ngày có rất nhiều hiện tượng xảy ra trong đời sống, tích cực có, tiêu cực có. Vậy làm thế nào để có thể làm một bài văn nghị luận về những hiện tượng này?Cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay* | - Hs chia sẻ suy nghĩ  - Hs tham gia trò chơi  + Hiện tượng trễ hẹn  + Hiện tượng bạo hành trẻ em  + Hiện tượng ô nhiễm môi trường  + Hiện tượng trục lợi tiền từ thiện  + Hiện tượng làm cây ATM để chia sẻ với người khó khăn  + Hiện tượng hiến máu nhân đạo  … |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + Yêu cầu HS, dựa vào SGK , hãy cho biết: *Bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống thuộc thể loại nào trong văn học? Người viết cần làm gì với dạng bài viết này?*  *+ GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, dựa vào vă bản đã học Học thầy, học bạn. hãy chỉ ra bố cục của văn bản này? (theo Phiếu học tập)*  *+ Từ đó, em hãy rút ra những yêu cầu cần đạt với kiểu bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở ( em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản**  ***1. Khái niệm***  - Thuộc dạng bài nghị luận, trong đó người viết đưa ra ý kiến của mình về một hiện tượng trong đời sống.  ***2.*** ***Yêu cầu đối với bài trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống***  **a. Về hình thức, bố cục cần có:**  Bố cục bài viết cần đàm bảo:  - Mở bài: Giới thiệu được hiện tượng người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.  - Thân bài: Đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể đề lí giải cho ý kiến cùa người viết. Các lí lẽ được sắp xếp theo trình tự hợp lí. Người viết có thể sử dụng các từ ngữ để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận. Người viết cần đưa ra được bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ.  - Kết bài: Khẳng định lại vấn đề và đưa ra những đề xuất.  b. Về nội dung  - Trình bày rõ ràng ý kiến về hiện tượng cân bàn luận.  - Nêu lí lẽ, bâng chứng để cùng cố cho ý kiến. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bố cục** | **Đặc điểm** | **Học thầy, học bạn** |
| Mở bài | Mở bài phải giới thiệu được vấn để người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết vể hiện tượng ấy. | Giới thiệu về hai câu tục ngữ, qua đó thể hiện ý kiến của tác giả: Học thầy và học bạn, hai cách học này có mâu thuẫn với nhau. |
| Thân bài | Thân bài phải đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết. | 1. *Ý kiến 1: Học từ thầy là quan trọng*   – Lí lẽ: Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề chạm khắc, hoặc nghiên cứu khoa học.  *b. Ý kiến 2: Học từ bạn cũng rất cần thiết.*  - Lí lẽ: Thói thường người ta chỉ nhận những đấng bề trên là thầy mà không nhận ra những người thầy trong những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp của mình. |
| Các lí lẽ được sắp xếp theo trình tự hợp lí. Người viết sử dụng hợp lí các từ ngữ có chức năng chuyển ý: bên cạnh đó, hơn nữa, mặt khác, quan trọng hơn... | Văn bản có sử dụng các từ ngữ có chức năng chuyển ý: mặt khác, hơn nữa |
| Người viết đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ. | - Dẫn chứng: danh họa Lê-ô-rơ-đô Đa Vin-chi nổi tiếng thế giới nếu không có sự dẫn dắt của thầy Ve-rốc-chi-ô thì dù có tài năng thiêm bẩm cũng khó mà thành công.  - Bằng chứng: đưa ra những lợi ích của việc học từ những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí. |
| Kết bài | Kết bài khẳng định lại vấn để và đưa ra những để xuất của người viết. | Tác giả khẳng định hai câu tục ngữ bổ sung cho nhau, giúp cho nhận thức về việc học thêm toàn diện. |

**Hoạt động 2: Phân tích ví dụ tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các đặc điểm của kiểu bài

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài mẫu (SGK – trang 53) và trả lời:  *+ Theo em, tác giả viết bài này nhằm mục đích gì?*  *+Tìm ý kiến, lí lẽ, bằng chứng mà tác giả sử dụng để làm rõ ý kiến.*  *+Chức năng của đoạn mở bài trong bài văn trên là gi?*  *+ Ớ phần kết bài, người viết có thể đưa ra những đề xuất hành động nhằm tạo ra những thay đồi tích cực. Đề xuất của người viết trong bài văn trên là gì? Theo em, đề xuất ấy có hợp lí không?*  *+ Từ bài viết trên, em rút ra được bài học gì về việc viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II. Phân tích ví dụ**  **Văn bản mẫu: Hãy giữ gìn bữa cơm gia đình**  - Mục đích: bàn về vấn đề: Hãy duy trì bữa cơm gia đình trong cuộc sống thường nhật.  - Nêu hệ thống các lí lẽ, dẫn chứng  + Bữa cơm gia đình rất bổ dưỡng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.  + Những món ăn được chế biến bằng nguyên liệu sạch, được lựa chọn cẩn thận, kĩ càng.  + Những món ăn được nấu bằng bao tâm huyết của người thân.  + Phải thấu hiệu khẩu vị, tính cách, tình hình sức khỏe của từng thành viên trong gia đình mới có được những bữa ăn bổ dưỡng.  + Bữa cơm là khoảng thời gian quý giá giúp các thành viên gia đình gắn bó, thấy hiểu nhau hơn.  + Còn gì hạnh phúc hơn sau một ngày mệt mỏi với công việc, ta trở về nhà cùng ăn bữa cơm gia đình, được tâm sự, được thấu hiểu, lắng nghe và chia sẻ.  + Bữa cơm gia đình cũng là một dịp để người lớn trong gia đình dạy bảo con cháu những điều hay, lẽ phải.  + Một nghiên cứu ở Mỹ trên 1476 tình nguyện viên cho thấy bữa cơm gia đình sẽ giúp mọi người gắn bó và hợp tác với nhau tốt hơn.  - Mở bài: Giới thiệu được hiện tượng người viết quan tâm và nêu ý kiến của mình về vấn đề.  - Kết bài: tác giả đề xuất để bữa cơm gia đình không phải gánh nặng thì mỗi thành viên đều cần góp sức, người đi chợ, người nấu ăn, người rửa chén bát. 🡪 đề xuất hợp lí, giúp gắn kết tình cảm trong gia đình.  => Bài học  - Xác định được mục đích viết  - Chỉ ra được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng  - Viết theo kết cấu 3 phần: MB, TB, KB  - Sử dụng các từ để lập luận giúp cho bài văn logic, chặt chẽ: trước hết, quan trọng hơn…ngoài ra, mặc dù, bên cạnh đó, ngược lại…  - Những lí lẽ, bằng chứng quan trọng đưa ra sau để tạo điểm nhấn… |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước Chuẩn bị trước khi viết bài và tìm ý, lập dàn ý**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết  *+ VB này viết nhằm mục đích gì?*  *+ Người đọc là ai?*  + GV hướng dẫn HS tìm đề tài, chia lớp thành 3 nhóm và mỗi nhóm tìm ra các đề tài, hiện tượng đáng được quan tâm:  *+) Nhóm 1: Các hiện tượng trong gia đình*  *+) Nhóm 2: Các hiện tượng trong nhà trường*  *+) Nhóm 3: Các hiện tượng trong xã hội*  Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý theo phiếu học tập số 1 và số 2  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài và chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát bảng kiểm để học sinh định hướng viết bài văn*  *+ Gv hướng dẫn thêm về cách viết bài văn*  *+ Học sinh tự rà soát, chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn theo bảng kiểm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Thực hành**  **Đề bài:** Viết đoạn văn khoảng 400 chữ, trình bày suy nghĩ về một hiện tượng trong đời sống mà em quan tâm.  **1. Chuẩn bị trước khi viết**  - Xác định đề tài;  - Thu thập tư liệu  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **3. Viết bài văn**  **4. Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**PHT số 1: Hướng dẫn học sinh tìm ý**

**PHT số 1: Hướng dẫn học sinh lập làn ý bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống**

|  |  |
| --- | --- |
| Mở bài | Hiện tượng tôi quan tâm……………………………………...  Ý kiến của tôi về hiện tượng………………………………… |
| Thân bài | - Lí lẽ 1……………………………………………………….  - Bằng chứng 1: ……………………………………………...  - Lí lẽ 2:………………………………………………………  - Bằng chứng 2:………………………………………………  - Trao đổi với ý kiến trái chiều (nếu có)…………………….. |
| Kết bài | - Khẳng định lại vấn đề……………………………………… |
| - Giải pháp của tôi…………………………………………… |

**Bảng kiểm bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Mở bài | Có dẫn dắt vào vấn đề cần bàn luận. |  |
| Nêu được cụ thể hiện tượng sẽ bàn luận. |  |
| Thân bài | Thể hiện rõ ràng ý kiến về hiện tượng. |  |
| Trình bày được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để làm rõ ý kiến. |  |
| Đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ. |  |
| Đã sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí. |  |
| Kết bài | Khẳng định lại ý kiến của mình. |  |
| Đê xuất được những giải pháp. |  |

1. **NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*  *+ Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận là gì? Các yếu tố ấy có mối liên hệ với nhau như thế nào?*  *+ Theo em, trong tình huống nào thì chúng ta cần thực hiện bài nói Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài  Bày tỏ ý kiến là một nhu cầu tất yếu của cuộc sống. Vậy làm thế nào để việc trình bày ý kiến một cách phù hợp, được mọi người ghi nhận? Tiết học hôm nay sẽ giúp các em rèn luyện kĩ năng này. | - Hs chia sẻ ý kiến: Trong cuộc sống, có những tình huống thực tế trong đời sống cần đến kĩ năng trình bày ý kiến: ứng cử chức lớp trưởng, đóng góp ý kiến cho việc may đồng phục của lớp, những đóng góp cho các hoạt động lễ kỉ niệm ngày 20/11… |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói theo PHT số 1*  **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố | Dự kiến của tôi | Cách thức trình bày phù hợp | | Mục đích bài nói |  |  | | Người nghe |  |  | | Thời gian |  |  | | Không gian |  |  |   + Tìm ý, lập dàn ý theo PHT số 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  - Tìm ý và lập dàn ý |

**Hoạt động 2: Luyện tập và trình bày**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi luyện tập và trình bày*  *+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.*  *+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.*  - Hs tiếp nhận  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS luyện nói  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Luyện tập và trình bày bài nói**  **a. Luyện tập**  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói  - Sử dụng những từ ngữ nối: mặt khác, hơn nữa, bên cạnh đó…  - Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết thúc hấp dẫn như chiếu hình ảnh hoặc video, đưa ra một sự vật để khơi dậy trí tò mò…  **b. Trình bày**  - Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước  - Trình bày từ khái quát đến cụ thể  - Kết nối các tư liệu trực quan  - Chú ý cách tương tác với khan giả |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm tiếp tục làm việc: thư kí đọc tóm tắt những ý kiến đã được trình bày trong buổi thảo luận, nhóm quyết định giải pháp tối ưu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Trao đổi về bài nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Video của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…) hoặc thiết kế infographic  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện ở nhà | - Hs quay video bài nói, thiết kế infographic gửi cho giáo viên |

**Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn để trong cuộc sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Bài trình bày cỏ đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |
| Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe. |  |
| Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |
| Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |
| Người trình bày ghi nhận và phàn hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả. |  |

**PHT số 2**

**Ý KIẾN**

….

**Lí lẽ 1**

…

**Lí lẽ 2**

…

**Lí lẽ 3**

…

**Bằng chứng**

…

**Bằng chứng**

…

**Bằng chứng**

….

Sơ đồ

**Ý KIẾN CỦA TÔI**

Lí lẽ 1

Lí lẽ 2

Lí lẽ 3

Bằng chứng 1.1, 1.2,…

Bằng chứng 2.1, 2.2,…

Bằng chứng 3.1, 3.2,…

**Tiết 122, 123: ÔN TẬP BÀI 8**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được các đặc điểm của văn nghị luận.

- Hiểu được các đặc điểm, cách viết/ trình bày bài văn trình bày về một hiện tượng đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của văn nghị luận.

- Năng lực viết/ nói bài văn trình bày về một hiện tượng đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật**  Câu 1. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Phải chăng chỉ có …… mới làm nên hạnh phúc? (8 kí tự)  Câu 2. Nhân vật trong truyền thuyết được đánh giá là vừa phi thường, vừa đời thường. (10 kí tự)  Câu 3. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “ Học thầy không tày ……..”(6 kí tự)  Câu 4. Sau khi trình bày bài nói cần lắng nghe …… từ người nghe. (7 kí tự)  Câu 5. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Khi trao đổi với người nghe cần có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe và ……. ý kiến của khan giả.” (7 kí tự)  Câu 6. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “Người nói ….. khái quát đến cụ thể.” (8 kí tự)  Câu 7. Làm đi làm lại nhiều lần theo nội dung đã học cho thành thạo được gọi là gì? (8 kí tự)  *- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng ôn tập các kiến thức trong bài 8. | **Câu 1- NGỌT NGÀO**  **Câu 2- THÁNH GIÓNG**  **Câu 3- HỌC BẠN**  **Câu 4- PHẢN HỒI**  **Câu 5 – GHI CHÉP**  **Câu 6- TRÌNH BÀY**  **Câu 7- LUYỆN TẬP** |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập về đọc**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, các sự kiện đặc sắc của các văn bản đã học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập theo bảng trong SGK theo nhóm, chia lớp thành 3 nhóm*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tác phẩm** | **Ý kiến** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | Học thầy, học bạn |  |  | | Bàn về nhân vật Thánh Gióng |  |  | | Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc? |  |  |   + *Những góc nhìn khác nhau về cuộc sống được thể hiện qua từng văn bản? Từ đó, em rút ra bài học gì về cách nhìn nhận, đánh giá về một vấn đề,*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý | **I. Ôn tập văn bản**  ***Câu 1,2***  - Học thầy, học bạn  - Bàn về nhân vật Thánh Gióng  - Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?  **Câu 3**  - Mỗi văn bản, các tác giả đều có những góc nhìn riêng của mình về vấn đề đặt ra. Qua đó, khi nhìn nhận, đánh giá, chúng ta cần có góc nhìn sáng suốt, hợp lí và nhìn nhận đa chiều về một vấn đề. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Ý kiến** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| Học thầy, học bạn | *Ý kiến 1: Học từ thầy là quan trọng*  *Ý kiến 2: Học từ bạn cũng rất cần thiết.* | - Lí lẽ 1: Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề chạm khắc, hoặc nghiên cứu khoa học.  - Bằng chứng 1: danh họa Lê-ô-rơ-đô Đa Vin-chi nổi tiếng thế giới nếu không có sự dẫn dắt của thầy Ve-rốc-chi-ô thì dù có tài năng thiên bẩm cũng khó mà thành công.  - Lí lẽ 2: Thói thường người ta chỉ nhận những đấng bề trên là thầy mà không nhận ra những người thầy trong những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng nghề nghiệp của mình.  - Bằng chứng 2: đưa ra những lợi ích của việc học từ những người bạn cùng lớp, cùng trang lứa, cùng hứng thú, cùng tâm lí. |
| Bàn về nhân vật Thánh Gióng | *Ý kiến 1: Thánh Gióng là một nhân vật phi thường.*  *Ý kiến 2: Thánh Gióng cũng mang những nét bình trường của con người trần thế.* | - Lí lẽ 1: Gióng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.  - Bằng chứng 1.1:Sự thụ thai thần kì.  - Bằng chứng 1.2: Sức mạnh, ý chí phi thường.  - Lí lẽ 2.1: Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định.  - Bằng chứng 2.1: Người làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ sáu.  - Lí lẽ 2.2: Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị.  Bằng chứng 2.2: Dù có siêu nhiên đến đâu, Gióng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ”, “uống nước, ăn cơm với cà”, mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đổng, ngựa sắt, áo giáp sắt do vua Hùng tập hợp thợ rèn tài giỏi trong nước đúc nên.  - Lí lẽ 2.3: Thánh Gióng thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước.  - Bằng chứng 2.3: Hình ảnh cậu bé Gióng nằm im không nói, không cười nhưng khi giặc Ân xâm lăng thì vụt lớn đánh giặc thể hiện sức mạnh tiềm ẩn của nhân dân. |
| Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc? | *Ý kiến 1: Hạnh phúc là sự ngọt ngào*  *Ý kiến 2: Hạnh phúc còn được tạo nên bởi những vất vả, mệt nhọc, nỗi đau* | - Lí lẽ 1.1: Ngọt ngào mang đến cho con người sự thoải mái, sự bình yên nên hẳn nhiên đó là hạnh phúc.  - Bằng chứng 1.1: Một cử chỉ quan tâm, yêu thương, một lời hỏi han ngọt ngào của cha mẹ dành cho con, của bạn bè dành cho nhau cũng đủ khiến người ta cảm thấy vui vẻ và ấm lòng.  - Lí lẽ 1.2: Một cuộc sống giảu có, sung túc, đủ đầy giúp cho con người có thể làm điều minh thích mà không bị giới hạn bởi bát kì điều gì, điều ấy cũng làm cho cuộc sống thêm phần hạnh phúc, tươi đẹp.  - Bằng chứng 1.2: Tỉ phủ Bill Gates đã dành 45,68% tài sản của mình để thành lập quỹ từ thiện để giải quyết các vẫn đề về sức khoẻ và nghèo đói toàn cầu. Sự ngọt ngào ấy đã mang đến hạnh phúc cho những mảnh đời đang gặp khó khăn, khốn khó ở khắp nơi trên thế giới.  - Lí lẽ 2.1: Một người mẹ sinh con, dù đau đến thế nào vẫn chỉ cảm thấy vui sướng, hạnh phúc.  - Bằng chứng 2.1: Lần mẹ đau đớn nhất, khi sinh con. Lúc ấy mẹ mới cảm nhận được nỗi đau vượt cạn, đau đến tột cùng, chỉ muôn ngất đi. Nhưng rồi, trong nổi đau ấy, khi tiếng khóc của con cất lên, mẹ lại hạnh phúc vô cùng. Nhìn thấy con lúc ấy, mẹ mới hiểu được giá trị thực sự của hạnh phúc.  - Lí lẽ 2.2: Một người không may mắc những bệnh tật nguy hiểm, họ vẫn có thể cảm thấy hạnh phúc, vi họ vẫn còn thời gian để sống, để công hiến, làm những điều mình muốn.  - Bằng chứng 2.2: Võ Thị Ngọc Nữ, dù đang ở trong độ tuổi của những ước mơ, của những hoài bão. một tuổi trẻ nhiệt huyệt, đây đam mê, nhưng Ngọc Nữ lại mắc phải căn bệnh hiểm nghèo. Dẫu vậy, cô vẫn luôn tươi cười hạnh phúc, nhất là khi cỏ có thế được múa, được thực hiện điều mình mong muốn. Nhẹ nhàng, uyển chuyển, từng bước chân, tửng ánh mắt. |

**Hoạt động 2: Ôn tập về viết/ trình bày**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được cách trình bày bài viết hoặc nói.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Khi viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống, ta cần chú ý điều gì? Ghi lại những kinh nghiệm của em sau khi viết và chia sẻ bài viết.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận | **II. Ôn tập viết**  Khi viết văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, ta cần chú ý đến lý lẽ và bằng chứng. Các lý lẽ đưa ra phải phù hợp, có sức thuyết phục đối với người đọc. Đặc biệt là phải đưa ra bằng chứng cho các lý lẽ của mình thêm thuyết phục, không thể nói lý lẽ suông. |

**Hoạt động 3: Rút ra bài học**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được cách trình bày bài viết hoặc nói.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Thông qua kiến thức đã học và hiểu biết, theo em, cuộc sống từ góc nhìn của ta và từ góc nhìn của người khác liệu có giống nhau?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận | **III. Bài học**  Cuộc sống từ góc nhìn của chúng ta và người khác không thể giống nhau. Bởi lẽ, mỗi người sẽ có cái nhìn, suy nghĩ, quan điểm khác nhau về cuộc sống. Vì thế chúng ta cần biết lắng nghe, tiếp thu những ý kiến đúng đắn, phản biện những ý kiến chưa hợp lí. Nhưng đồng thời cũng phải có chính kiến, biết trình bày, bảo vệ góc nhìn của mình |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi cho HS:*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức trò chơi **:** Ong non làm việc  - HS thực hiện nhiệm vụ  **CÂU 1: Chủ đề của bài học là gì?**  A. Cách nhìn cuộc sống.  B. Những góc nhìn cuộc sống.  C. Tình yêu và cuộc sống.  D. Nhân ái và cuộc sống.  **CÂU 2: “Học thầy, học bạn” là tác phẩm của**  A. Nguyễn Thanh Tú  B. Hoàng Tiến Tựu  C. Phạm Thị Ngọc Diễm  D. Tất cả đều sai.  **CÂU 3: Các yếu tố trong văn nghị luận là**  A. Lí luận.  B. Lí lẽ, dẫn chứng.  C. Bình luận.  D. Tranh luận.  **CÂU 4: Kết bài của bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống cần phải làm gì?**  A. Giới thiệu vấn đề.  B. Giải thích vấn đề.  C. Khẳng định lại vấn đề.  D. Tất cả đều sai.  **CÂU 5: Nhân vật vị vua và người hầu gợi cho em nhớ đến văn bản nào trong chủ đề?**  A. Góc nhìn  B. Bàn về nhân vật Thánh Gióng  C. Học thầy, học bạn.  D. Tất cả đều sai.  **CÂU 6: Đâu là từ mượn trong các từ sau**  A. Mây xanh.  B. Cây cối.  C. Đất nước.  D. Xích lô.  **CÂU 7: Ngân khố nghĩa là gì?**  A. Cải trang đi ra khỏi nơi ở.  B. Ngầm ẩn bên trong.  C. Kho tiền của nhà nước.  D. Vẻ đẹp hoàn hảo trong hình dung.  **CÂU 8: Các văn bản của chủ đề nổi bật với thể loại văn nào?**  A. Nghị luận.  B. Tự sự.  C. Biểu cảm.  D. Miêu tả.  **CÂU 9: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “…. cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết.”**  A. Vấn dề.  B. Luận điểm.  C. Bằng chứng.  D. Lí lẽ.  **CÂU 10: Cách để phát triển vốn từ là phải làm gì?**  A. Từ Hán Việt.  B. Từ láy.  C. Từ ghép.  D. Mượn từ. | Đáp án   1. B 2. A 3. B 4. C 5. A 6. D 7. C 8. A 9. D   10-D |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CẢ BÀI HỌC 8**

**1. Mục tiêu:**

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**2. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**3**. **Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**4. Tổ chứcthực hiện:**

**\*Nhiệm vụ :**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Trình bày suy nghĩ của em về lối học chay, học vẹt của một số học sinh hiện nay.

**Bước 2:**  **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thảo luận nhóm..

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):** GV tổng hợp, nhận xét ý kiến, định hướng bài học cho HS.

**Một số định hướng:**

- Trên cơ sở xác định được nội dung đề yêu cầu. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau:

+ Giải thích khái niệm học chay, học vẹt: Học chay là học lí thuyết suông, không đi đôi với thực hành,….Học vẹt là lối học thuộc lòng mà không hiểu, học thụ động, máy móc…

+ Biểu hiện của lối học chay, học vẹt là lý thuyết thì thuộc làu, nói lý thuyết thì rất giỏi nhưng áp dụng kiến thức đó vào thực hành thì "bó tay"…(Bằng chứng)

+ Nguyên nhân là do lười học, lười suy nghĩ, học chỉ để đối phó…(Bằng chứng)

+ Học chay, học vẹt mang đến tác hại rất nghiêm trọng cho bản thân, gia đình và xã hội….(Bằng chứng)

+ Học chay, học vẹt là cách học rất nguy hại, cần phải bài trừ và loại bỏ. Nếu không thay đổi phương pháp học tập thì sẽ không chỉ ảnh hưởng tới tương lai của bản thân khi bước vào đời, mà còn tác động đến tương lai của cả đất nước. Học sinh chúng ta cần phải thay đổi cách học tập để lấp đầy tri thức, để hoàn thiện bản thân….

* Tìm hiểu thông tin về tác giả của các văn bản đã học: thu thập các nguồn tư liệu khác nhau như bài viết, ảnh, video,... Đọc thêm các văn bản nghị luận bàn về những góc nhìn cuộc sống.
* Từ các bài thơ thu thập được, nhận biết và chỉ ra dấu hiệu nhận biết đóvăn bản nghị luận; chỉ ra được bằng chứng, lí lẽ được dùng trong VB đó.
* Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về hiện tượng trong đời sống như: hiện tượng bắt nạt trong trường học, hiện tượng ô nhiễm môi trường….
* Hệ thống hoá kiến thức bài học 8 bằng sơ đồ tư duy.
* **Chuẩn bị bài 9: Nuôi dưỡng tâm hồn**

**Tiết 109: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực*:***

\* ***Năng lực chung:***

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

***\* Năng lực chuyên biệt:***

- Nhận biết được những nội dung chính và cấu trúc của một bài kiểm tra.

- Có kĩ năng làm bài, biết cách sửa lỗi cho mình và cho bạn sau mỗi bài kiểm tra.

**2. Phẩm chất**:

- Có trách nhiệm với việc học tập của bản thân

- Chăm chú trong học bài, nghiêm túc trong làm bài kiểm tra.

- Biết nhân ái, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, sống gắn bó với thiên nhiên và trân trọng cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:** Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, bài kiểm tra của học sinh, máy chiếu, máy tính.

**2. Học sinh:** xem lại đề kiểm tra và nội dung bài đã làm được của mình, chuẩn bị phiếu học tập để trao đổi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU** | | |
| **Mục tiêu:**  Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế cho học sinh trong tiết trả bài kiểm tra. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Nội dung/Sản phẩm** |
| Gv yêu cầu học sinh nêu ngắn gọn những cảm xúc, suy nghĩ, kinh nghiệm… mình đã rút ra được sau khi làm bài kiểm tra giữa kì trước đó.  HS trả lời theo những suy nghĩ, trải nghiệm riêng.  GV nhận xét khái quát, dẫn dắt vào tiết trả bài. | | Ví dụ:   * *Căn thời gian hợp lí* * *Trình bày ngay ngắn, rõ ràng hơn* * *Đọc kĩ đề, trong 5 phút vạch ý ngắn gọn ra nháp trước khi vào làm bài* * … |
| **HOẠT ĐỘNG 2: TRẢ BÀI**  **Mục tiêu**:  - Nắm được cấu trúc của 1 bài kiểm tra: phần I Trắc nghiệm (2 điểm), phần II Tự luận (8 điểm).  - Nắm được một số nội dung quan trọng: văn bản truyện, văn bản thơ, văn bản nghị luận từ láy, từ đồng âm, đa nghĩa, biện pháp tu từ…  - Thấy được những điều đã làm được và chưa làm được trong bài kiểm tra của mình và có ý thức phát huy ưu điểm, khắc phục thiếu sót trong những bài kiểm tra sau. | | |
| - **GV chiếu đề bài và nêu khái quát những mục tiêu về phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh thông qua bài kiểm tra**.  \_ Hs theo dõi lại đề bài và bước đầu kiểm lại những năng lực và phẩm chất mình có được sau bài kiểm tra.  - GV yêu cầu HS trả lời từng câu theo cách hiểu.  - HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, bổ sung.  - HS sửa chữa.  - **GV trình chiếu hướng dẫn chấm phần I trắc nghiệm và phần II Tự luận**  HS theo dõi hướng dẫn chấm ghi nhanh các ý chính trong hướng dẫn chấm vào vở. (hoặc giáo viên có thể phô tô hướng dẫn chấm cho hs)  **Hình ảnh đề kiểm tra và hướng dẫn chấm – trong phần Phụ lục.** | **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA BÀI KIỂM TRA**  **\*Năng lực:**  **-** Nhận biết được những nội dung chính và cấu trúc của một bài kiểm tra.  - Có kĩ năng làm bài, biết cách sửa lỗi cho mình và cho bạn sau mỗi bài kiểm tra.  **\* Phẩm chất**:  - Có trách nhiệm với việc học tập của bản thân  - Chăm chú trong học bài, nghiêm túc trong làm bài kiểm tra.  - Biết nhân ái, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, sống gắn bó với thiên nhiên và trân trọng cuộc sống.  **\*gợi ý đáp án** | |
| **- Gv trả bài kiểm tra cho hs**  Hs nhận bài kiểm tra của mình.  - **GV trình chiếu công bố bảng Rubics đánh giá bài kiểm tra giữa kì I – yêu cầu học sinh tự đánh giá:**  + Gv trình bày các tiêu chí trong bảng rubics để hs nắm được các mức độ cần đạt.  + HS theo dõi, chú ý các tiêu chí trong bảng rubics đánh giá, tự nhận mình thuộc mức độ nào và vì sao?  + GV gọi 1 số hs lên nhận mức độ mình đạt được trong bảng rubics sau khi hs đối chiếu bài của mình với đáp án.  + Những hs khác lắng nghe và rút ra những ý chính cần nhớ cho mình.  GV đồng thời nhận xét những ưu – nhược trong bài làm của hs đó, động viên, khích lệ khi cần thiết.  - **GV hướng dẫn hs tự chữa bài**  Lưu ý chỉ hướng dẫn, không bắt bẻ từng câu chữ  + HS theo dõi đề bài, đáp án phần I trắc nghiệm và tự chấm điểm phần trắc nghiệm của mình  **+** Hs bổ sung những điều mình còn thiếu sót ở phần bài Tự luận.   * **Hs rút ra những điều tự thấy mình đã làm được và còn thiếu sót ghi ra giấy (tờ số 1)**   **Bảng Rubics đánh giá bài kiểm tra giữa kì – trong phần Phụ lục.** | **II. TRẢ BÀI – TỰ ĐÁNH GIÁ**  - Bảng Rubics đánh giá bài kiểm tra giữa kì về nội dung và hình thức cần đạt ở các mức độ:   * Xuất sắc * Giỏi * Khá * Trung bình * Yếu | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: NHẬN XÉT**  **Mục tiêu**:   * HS có khả năng nhận xét được ưu nhược điểm của mình cũng như của bạn trong bài kiểm tra * HS rút ra được hệ thống những lỗi sai mà lớp đã mắc phải để khắc phục cho những bài kiểm tra sau. * Bồi dưỡng đức tính nghiêm túc, trung thực, tinh thần đoàn kết. | | |
| **- GV yêu cầu HS trao đổi bài viết để đọc, góp ý cho nhau** (thông thường, 2 hs ngồi bàn đối diện/hoặc gần nhau trao đổi bài cho nhau).  **- Trò chơi: TẬP LÀM GIÁO VIÊN:**  **Trên cơ sở hướng dẫn chấm, GV yêu cầu hs rút ra nhận xét và cho điểm bài của bạn vào giấy** – **Tờ số 2.** (nhận xét cả ưu – khuyết điểm) - sau đó trao đổi để **đối chiếu** với **tờ số 1** do bạn tự nhận xét trước đó để rút ra điểm thống nhất và rút ra bài học cho bản thân.  **Lưu ý: tờ số 1 và tờ số 2 có thể được giáo viên thiết kế dưới hình dạng phiếu điểm và nhận xét**  **PHIỀU ĐIỂM VÀ NHẬN XÉT:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | | **Điểm** | **Ưu điểm** | **Nhược điểm** | | **Phần trắc nghiệm** | |  |  |  | | **Phần tự luận** | Câu 1 |  |  |  | | Câu 2 |  |  |  | | Câu 3 |  |  |  | | Câu 4 |  |  |  | | Câu 5 |  |  |  | | TỔNG SỐ ĐIỂM: | | | | |   HS đánh giá đồng đẳng dưới sự quan sát và gợi ý hỗ trợ, giúp đỡ của giáo viên.  Gv nhận xét kết quả đánh giá đồng đẳng của hs.  **GV nhận xét khái quát ưu điểm và nhược điểm.**  HS chú ý ghi lại những nhược điểm để rút kinh nghiệm, đồng thời đánh dấu lại nhược điểm nào mình đã mắc phải.  **GV lựa chọn bài làm của học sinh - theo thứ tự điểm: xuất sắc (nếu có) - giỏi – khá – trung bình – yếu.**  **Chiếu hình ảnh các bài làm đó lên để hs cả lớp cùng theo dõi.**  **GV yêu cầu hs chỉ ra các ưu – nhược điểm trên bài làm.**  (Lưu ý: che đi phần tên học sinh để đảm bảo sự khách quan và tránh hs chế giễu lỗi sai của bạn)  GV nhận xét khái quát các bài được đưa ra nhận xét mẫu. Từ đó **rút ra những điều cần khắc phục**(nhược điểm chung) hoặc **khen ngợi, tuyên dương** **những bài hay/ những câu văn hay/ cách phát hiện mới** cần phát huy của học sinh. | **III. NHẬN XÉT**   1. **Đánh giá đồng đẳng** 2. **Giáo viên nhận xét**   **\* Ưu điểm:**  **\* Tồn tại**: | |
| **HOẠT ĐỘNG 4: SỬA LỖI**  **Mục tiêu**:  HS sửa được những lỗi sai của mình và của bạn trong bài kiểm tra.  Có kĩ năng nhận biết lỗi sai và sửa lỗi ở các bài làm tiếp theo. | | |
| - GV chiếu lên bảng các lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi đặt câu mà học sinh đã mắc phải trong bài kiểm tra  - HS sửa lỗi  Hs khác nhận xét  - GV chốt phương án sửa hợp lí. | | **IV. SỬA LỖI**  **\* Lỗi chính tả:**  **\* Lỗi dùng từ:**  **\* Lỗi đặt câu:**  🡪 Câu thiếu chủ ngữ và vị ngữ.  🡪Lỗi lô-gic. |

**PHỤ LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| UBND HUYỆN CƯ KUIN  **TRƯỜNG THCS EA HU**  ĐỀ CHÍNH THỨC | | **KIỂM TRA GIỮA KÌ II** **NĂM HỌC 2021 – 2022**  **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút*  (*không kể thời gian giao đề*) |
| Họ và tên:………………………………...  Lớp:………………………………………. | |  |
| Điểm | Lời phê của giáo viên | |

Đề bài:

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Câu 1 (0,5 đ): Câu 1:** “*Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra* *là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”* Câu văn khắc họa nhân vật Sơn trong truyện “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam qua phương diện nào?

A. Ngoại hình của nhân vật B. Ngôn ngữ nhân vật

C. Hành động của nhân vật D. Ý nghĩ của nhân vật

**Câu 2 (0,5 đ):** Văn bản “Tuổi thơ tôi” sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A. Tự sự B. Miêu tả

C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0,5 đ):** Các yếu tố: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật,... là yếu tố cơ bản của thể loại truyện. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

**Câu 4 (0,5 đ):** Những bài thơ: *Những cánh buồm*; *Chị sẽ gọi em bằng tên; Con là...* cùng viết về chủ đề:

A. Quê hương B. Tình yêu thương, chia sẻ

C. Tình cảm gia đình D. Tình yêu thiên nhiên

**Câu 5 (0,5 đ):** Đọc đoạn văn sau, xác định câu chủ đề: “*Trong cuộc đời của mỗi con người, học từ thầy là quan trọng nhất (1). Nhân dân ta có truyền thống tôn sư trọng đạo, luôn luôn đề cao vai trò của người thầy(2). Mỗi người trong đời, nếu không có một người thầy hiểu biết, giàu kinh nghiệm truyền thụ, dìu dắt thì khó làm nên một việc gì xứng đáng, dù đó là nghề nông, nghề rèn, nghề khắc chạm, hoặc nghiên cứu khoa học(3)”.*

A. Câu 1 B. Câu 2

C. Câu 3 D. Không có câu chủ đề

**Câu 6 (0,5 đ):** Từ chiều trong câu ca dao *“Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”* là hiện tượng:

A. Từ đồng âm B. Từ đa nghĩa

**Câu 7 (0,5 đ):** Cho các từ sau: cánh buồm; cánh sóng; cánh tay; cánh cửa. Đâu là từ có nghĩa gốc?

A. Cánh sóng B. Cánh tay

C. Cánh chim D. Cánh buồm

**Câu 8 (0,5 đ):** Trong bài văn nghị luận, người viết dùng lí lẽ và dẫn chứng để nhằm mục đích gì?

A. Kể lại một câu chuyện B. Bộc lộ cảm xúc

C. Thuyết phục người đọc (người nghe) D.Tái hiện cảnh vật, con người

**Câu 9 (0,5 đ):** Yếu tố **đồng** nào trong các từ sau có nghĩa là trẻ em?

A. Đồng tình B. Đồng thoại

C. Đồng bào D. Đồng tâm

**Câu 10 (0,5 đ):** Từ nào trong các từ sau không phải từ mượn tiếng Hán?

A. Đối thoại B. Thiên nhiên

C. Bình đẳng D. Xà phòng

**PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Mây và Sóng” của R.Ta-go.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_HẾT\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CƯ KUIN  **TRƯỜNG THCS EA HU** | **HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II** **NĂM HỌC 2021 – 2022**  **MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6** |

**I. Phần trắc nghiệm:** Mỗi câu đúng 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.D | 2.A | 3.A | 4.C | 5.A |
| 6.A | 7.B | 8.C | 9.B | 10.D |

**II. Phần tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÂU | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | ĐIỂM |
| 3 | **A. Yêu cầu:**  I. Yêu cầu chung:  - Thể loại : biểu cảm  - Ngôi bộc lộ cảm xúc: thứ 1.  - Đoạn văn hoàn chỉnh, có bố cục 3 phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn  - Diễn đạt rõ ràng, không mắc lỗi về câu.  - Rất ít lỗi chính tả, ngôn ngữ trong sáng, có cảm xúc.  II. Yêu cầu cụ thể:  + **Mở đoạn**:  - Giới thiệu tác giả R. Ta-go và bài thơ “Mây và sóng”.  - Nêu cảm nghĩ chung của em về bài thơ.  + **Thân đoạn**: Chỉ ra nội dung hoặc nghệ thuật cụ thể của bài thơ khiến em yêu thích và có nhiều cảm xúc, suy nghĩ.  - Về nội dung, bài thơ thể hiện tình yêu thương mẹ tình mẫu tử sâu nặng, thiêng liêng qua lăng kính của một đứa trẻ. Em bé kể lại những lời rủ rê, thuật lại lời từ chối và lí do từ chối và trò chơi do em bé sáng tạo cùng chơi với mẹ.  - Về hình thức, bài thơ sử dụng nhiều yếu tố tự sự, miêu tả phù hơp với việc thể hiện nội dung kể chuyện; sử dụng các biện pháp tu từ như điệp cấu trúc, các hình ảnh thiên nhiên bay bổng.  **+ Kết đoạn:** Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về ý nghĩa bài thơ (Ví dụ: Bài thơ giúp em cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng; giúp em nhận ra mình phải dành nhiều tình cảm yêu thương và quan tâm hơn cho mẹ,…).  **B. Biểu điểm và hướng dẫn chấm:**  *- Điểm 4-5*: Đoạn văn đạt đầy đủ các yêu cầu trên. Bài viết gây ấn tượng, sáng tạo, có sự mới mẻ, không sao chép. Sắp xếp các ý hợp lí, trôi chảy. Cách dùng từ chính xác, tác động đến cảm xúc của người đọc.  *- Điểm 3*: Đoạn văn đạt sắp xếp ý hợp lí, có thể diễn đạt chưa trôi chảy, sai lỗi chính tả ít.  *- Điểm 1 – 2*: Đoạn văn viết chưa đủ dung lượng yêu cầu, điễn đạt chưa sáng rõ suy nghĩ, dùng từ chưa chính xác, sai lỗi chính tả nhiều.  *- Điểm 0*: Bỏ giấy trắng hoặc lạc đề hoàn toàn.  Lưu ý:  Giáo viên chấm điểm theo hướng mở trên cơ sở kết hợp các yêu cầu kĩ năng và kiến thức, đánh giá cao những bài viết sáng tạo của học sinh. | 5,0 |

Ea Hu, ngày tháng 3 năm 2022 Ea Hu, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người Duyệt đề Người ra đề

VŨ THỊ XOAN